CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F88

Phú Thọ, ngày 22 tháng 02 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 1

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 1

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 1

Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty 2

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 2

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 3

Điều 6. Quyền hạn của Công ty 3

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 5

Điều 7. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập 5

Điều 8. Tăng vốn điều lệ 6

Điều 9. Giảm vốn điều lệ 7

Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu 7

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác 8

Điều 12. Chuyển nhượng Cổ phần 8

Điều 13. Chuyển giao Cổ phần 9

Điều 14. Thanh toán mua Cổ phần 9

Điều 15. Thu hồi Cổ phần đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp 10

Điều 16. Mua lại Cổ phần 10

Điều 17. Trái phiếu 11

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 11

Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 11

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 11

Điều 19. Quy định chung về Cổ đông 11

Điều 20. Quyền của Cổ đông 12

Điều 21. Nghĩa vụ của Cổ đông 13

Điều 22. Đại Hội đồng Cổ đông 14

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông 15

Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại Hội đồng Cổ đông 17

Điều 25. Thay đổi các quyền 18
Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông ... 19
Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông 21
Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông 21
Điều 29. Điều kiện để Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua 23
Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông 24
Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông 24
Điều 32. Nghị quyết, Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông 26
Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông 27
Điều 34. Sổ Đăng ký Cổ đông 27
Điều 35. Đại diện theo ủy quyền 28

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 29

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị 29
Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị 29
Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị 30
Điều 39. Thành viên Hội đồng Quản trị 33
Điều 40. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị 35
Điều 41. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị 36
Điều 42. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị 37
Điều 43. Nghị quyết bằng văn bản thông qua không cần họp Hội đồng Quản trị 39
Điều 44. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị 39
Điều 45. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị 39
Điều 46. Người phụ trách quản trị Công ty 40

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 41

Điều 47. Tổ chức bộ máy quản lý 41
Điều 48. Thành viên Ban Điều hành của Công ty 41
Điều 49. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc 41
Điều 50. Không kiêm nhiệm 43

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 43

Điều 51. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán 43
Điều 52. Thành phần Ủy ban Kiểm toán 44
Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán 44
Điều 54. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán 45
Điều 55. Báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 45

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC **46**
Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 46
Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 47
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY **48**
Điều 58. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 48
XII. NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG **49**
Điều 59. Nhân viên và công đoàn 49
Điều 60. Ký Hợp đồng lao động 49
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN **49**
Điều 61. Phân phối lợi nhuận 49
Điều 62. Quỹ dự trữ 50
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN **51**
Điều 63. Tài khoản ngân hàng 51
Điều 64. Năm tài chính 51
Điều 65. Chế độ kế toán 51
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN **51**
Điều 66. Báo cáo quản trị hàng tháng 51
Điều 67. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 52
Điều 68. Báo cáo thường niên 52
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY **52**
Điều 69. Kiểm toán 52
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP **53**
Điều 70. Dấu của doanh nghiệp 53
XVIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY **53**
Điều 71. Tổ chức lại, Giải thể và Phá sản Công ty 53
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ **55**
Điều 72. Giải quyết tranh chấp nội bộ 55
XX. THÔNG BÁO **55**
Điều 73. Thông báo 55
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ **56**
Điều 74. Điều lệ Công ty 56
XXII. NGÀY HIỆU LỰC **56**

Điều 75. Ngày hiệu lực 56

PHỤ LỤC 1 ĐỊNH NGHĨA 58

PHỤ LỤC 2 THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 63

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông số 0102/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Định nghĩa

Trừ trường hợp ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác đi, các thuật ngữ được viết hoa trong Điều lệ này sẽ có ý nghĩa như được thể hiện tại Phụ lục 1.

1.2. Diễn giải

(a) Các Phụ lục của Điều lệ này tạo thành một phần của Điều lệ này và sẽ có cùng hiệu lực thi hành như được quy định rõ tại nội dung của Điều lệ này. Mọi tham chiếu đến Điều lệ sẽ là tham chiếu đến Điều lệ này đã được bổ sung, thay đổi hoặc sửa chữa vào từng thời điểm.

(b) Trừ khi ngữ cảnh quy định khác đi, khi được tham chiếu trong Điều lệ này:

(i) danh từ số ít sẽ bao gồm cả hàm ý số nhiều và ngược lại;

(ii) các Điều khoản hoặc Phụ lục được hiểu là các điều khoản hoặc phụ lục của Điều lệ này;

(iii) các văn bản Pháp luật hoặc các điều khoản của các văn bản Pháp luật sẽ được hiểu là tham chiếu đến các văn bản Pháp luật hoặc các điều khoản đã được điều chỉnh, mở rộng, hợp nhất, tái ban hành hoặc thay thế vào từng thời điểm (dù là trước hoặc sau ngày của Điều lệ này) và các nghị định, quy định hoặc các điều khoản hướng dẫn thực hiện khác của các văn bản này; và

(iv) các từ "gồm" hoặc "bao gồm" sẽ được hiểu giống nhau trong mọi trường hợp.

(c) Các tiêu đề chỉ được dùng với mục đích tạo thuận lợi cho người đọc và không ảnh hưởng đến việc giải thích Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Tên Công ty

(a) Tên tiếng Việt: Công Ty Cổ phần Đầu Tư F88

(b) Tên tiếng nước ngoài: F88 Investment Joint Stock Company

(c) Tên viết tắt: F88., JSC

2.2. Công ty được thành lập theo hình thức công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và chịu trách nhiệm hữu hạn, tồn tại và hoạt động theo Pháp luật Việt Nam và theo Điều lệ này.

2.3. Trách nhiệm hữu hạn

(a) Trong trường hợp bất kỳ Cổ đông nào không thanh toán đầy đủ cho số Cổ phần mà người này đã cam kết mua, các Cổ đông khác sẽ không phải cấp thêm vốn cho Công ty hoặc phải đại diện cho Công ty cấp thêm vốn, dưới hình thức thanh toán mua Cổ phần, cho vay, tạm ứng, bảo lãnh hoặc các hình thức khác. Trừ khi được quy định khác căn cứ theo văn bản thỏa thuận được các Cổ đông ký, các chủ nợ của Công ty chỉ có quyền đòi nợ trên tài sản của Công ty và không có quyền đòi nợ nào đối với bất kỳ Cổ đông nào.

(b) Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất cứ khoản nợ, mất mát hoặc chi phí của bất kỳ Cổ đông nào, cho dù các nghĩa vụ, mất mát hoặc chi phí này xảy ra trước hoặc sau khi có sự tồn tại của Công ty.

2.4. Trụ sở đăng ký của Công ty:

(a) Địa chỉ trụ sở chính: 1980 Hùng Vương, Phường Nông Trang, Thành Phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

(b) Website: www.f88.vn

2.5. Trong phạm vi mà Pháp luật cho phép, Hội đồng Quản trị của Công ty có toàn quyền quyết định mở văn phòng chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các trụ sở khác của Công ty tại Việt Nam hoặc nơi khác theo quy định của Pháp luật.

2.6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 71.2 hoặc Điều 71.3, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

Công ty có 01 (một) người đại diện theo Pháp luật là Tổng Giám đốc của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

4.1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Tư vấn quản lý	7020

Công ty có thể đầu tư vào các công ty khác có ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật.

4.2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận và tham gia vào các hoạt động kinh doanh nêu trong Điều 4.1 và các hoạt động kinh doanh khác vào từng thời điểm theo quy định của Pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, Pháp luật chuyên ngành liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Công ty

Công ty có quyền tiến hành những hoạt động mang lại lợi ích cho Công ty hoặc cho việc kinh doanh mà Công ty được phép thực hiện theo quy định của Pháp luật, bao gồm những hoạt động sau:

(a) tuyển dụng, trả lương, kỷ luật, thưởng và sa thải Thành viên Ban Điều hành, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ này và quy định Công ty;

(b) thuê, chỉ định, ký kết, hoặc ủy quyền cho bất kỳ nhà phân phối, đại lý hoặc nhà thầu nào nếu thấy cần thiết cho công việc kinh doanh của Công ty;

(c) tham gia ký kết và thực hiện bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết như được chấp thuận theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật;

(d) mua, thuê hoặc sở hữu hợp pháp khác đối với bất động sản, thiết bị, và tất cả loại tài sản khác bao gồm nhà cửa và quyền sử dụng đất;

(e) bán, cho thuê hoặc chuyển nhượng bất động sản, thiết bị, và tất cả loại tài sản khác bao gồm nhà cửa và quyền sử dụng đất khi các tài sản này không còn cần thiết cho hoạt động của Công ty;

(f) thuê hoặc sử dụng tất cả hình thức dịch vụ cần thiết hoặc hữu ích;

(g) duy trì các quan hệ ngân hàng với tất cả loại hình tổ chức tài chính ở mọi nơi, bao gồm việc vay mượn hoặc tham gia các cam kết tài chính với bất kỳ tổ chức tài chính nào, bằng bất kỳ loại tiền tệ nào, ở trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam;

(h) vay hoặc cho vay, bảo lãnh, bồi hoàn, ủy nhiệm và thế chấp, cầm cố, tạo lập quyền lợi đảm bảo, hoặc tạo lập các biện pháp bảo đảm khác trên bất kỳ tài sản nào của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay hoặc các cam kết khác có liên quan đến nghĩa vụ của mình hoặc của bên thứ ba;

(i) tiến hành các vụ kiện hoặc bảo vệ quyền lợi của mình trong các vụ kiện;

(j) thực hiện việc phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lợi nhuận hoặc thua lỗ, các tài sản và nợ và các khoản thu từ việc chuyển nhượng các tài sản mà Công ty có toàn quyền quyết định;

(k) tái đầu tư các khoản lợi nhuận vì lợi ích hoạt động của Công ty;

(l) mua bảo hiểm cho Công ty;

(m) sử dụng các luật sư, kế toán viên, nhà tư vấn, đại lý, cố vấn, kiến trúc sư, kỹ sư, và nhà thầu để hỗ trợ Công ty;

(n) tham gia vào các giao dịch và hoạt động liên quan đến quản lý ngoại hối theo quy định của pháp luật;

(o) tiến hành việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty khi chấm dứt hoặc kết thúc thời gian hoạt động của Công ty;

(p) mua, thuê, cho thuê, bán, chuyển nhượng và/hoặc sửa chữa tất cả máy móc thiết bị, phần mềm, ấn bản, ấn phẩm và bất kỳ tài liệu nào khác, vật dụng hoặc các thứ khác cần thiết cho việc kinh doanh của Công ty mà Nhà nước cho phép ở trong và ngoài lãnh thổ Việt nam, bằng bất kỳ loại tiền tệ nào;

(q) đăng ký và thực hành bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ;

(r) quảng cáo và khuyến mãi các sản phẩm của Công ty;

(s) yêu cầu thanh toán và thanh toán hàng hóa và dịch vụ bằng đôla Mỹ, các ngoại tệ khác hoặc bằng tiền Đồng mà Hội đồng Quản trị có thể quyết định theo quy định của Pháp luật;

(t) thay đổi phạm vi và nội dung hoạt động của Công ty vào từng thời điểm khi Đại Hội đồng Cổ đông thấy cần thiết, phù hợp với quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật;

(u) sử dụng bất kỳ phương thức cấp vốn hợp pháp nào để thực hiện việc kinh doanh;

(v) thành lập công ty liên doanh với các đối tác Việt Nam hoặc nước ngoài và đầu tư vốn vào (các) công ty Việt Nam hoặc nước ngoài khác theo quy định của Pháp luật;

(w) thực hiện các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu;

(x) chủ động tiến hành và quản lý hoạt động kinh doanh và áp dụng bất kỳ phương thức quản lý cần thiết nào để thực hiện các hoạt động này;

(y) từ chối và tố cáo mọi đề nghị cung cấp vốn bằng tiền mặt hoặc hiện vật của bất kỳ Người nào mà Pháp luật không yêu cầu; và

(z) tiến hành tất cả hoạt động hợp pháp khác và ký kết tất cả thỏa thuận, văn bản và văn kiện pháp lý khác nếu xét thấy cần thiết cho mục tiêu của Công ty hoặc của hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập

7.1. Vốn điều lệ của Công ty là **66.232.690.000** VNĐ (Bằng chữ: **Sáu mươi sáu tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng**) và đã được góp đầy đủ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này. Vốn Điều lệ sẽ được tự động điều chỉnh khi phát hành các Cổ phần mới.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **6.623.269** (Bằng chữ: Sáu triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi chín) Cổ phần với mệnh giá là **10.000 đồng/Cổ phần** (Mười nghìn đồng Việt Nam trên một Cổ phần). Số lượng Cổ phần sẽ được tự động điều chỉnh khi Công ty phát hành các Cổ phần mới.

7.2. Vốn Điều lệ sẽ được sử dụng vì mục đích kinh doanh của Công ty và vì các mục đích khác được phê duyệt bởi Đại Hội đồng Cổ đông, hoặc trong trường hợp thích hợp, sẽ có thể được phê chuẩn bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ này.

7.3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Điều lệ này.

7.4. Các Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm Cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông nắm giữ từng Cổ phần được quy định tại Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

7.5. Quyền biểu quyết của Cổ phần phổ thông

Mỗi Cổ phần phổ thông cho phép Cổ đông nắm giữ tương ứng có một phiếu biểu quyết tại các Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

7.6. Công ty có thể phát hành các loại Cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

7.7. Các Cổ đông Sáng lập

(a) Tên, địa chỉ, số lượng Cổ phần và các thông tin khác về Cổ đông Sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 02 đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

(b) Trong thời hạn ba năm kể từ ngày cấp lần đầu Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Cổ phần phổ thông của các Cổ đông Sáng lập có thể được tự do chuyển nhượng cho các Cổ đông Sáng lập khác, nhưng không thể chuyển nhượng cho những Người không phải Cổ đông Sáng lập trừ khi được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận.

(c) Các hạn chế tại Điều 7.7(b) sẽ không áp dụng cho Cổ phần bổ sung mà Cổ đông Sáng lập mua được sau khi thành lập Công ty và sẽ không áp dụng cho Cổ phần mà Cổ đông Sáng lập chuyển nhượng cho những người khác không phải là Cổ đông Sáng lập của Công ty.

7.8. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông quyết định khác, số Cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do

Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho Cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác.

7.9. Công ty có thể mua Cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

7.10. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 8. Tăng vốn điều lệ

8.1. Phụ thuộc vào quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 23.2 và Điều 29.2 của Điều lệ này, Hội đồng Quản trị có thể quyết định phát hành thêm Cổ phần thông qua việc bán cho các Cổ đông hiện hữu, phát hành ra công chúng hoặc phát hành riêng lẻ Cổ phần với điều kiện là giá của mỗi Cổ phần mới này, tính gộp cả chi phí phát hành và các chi phí có liên quan khác, không được thấp hơn giá thị trường của mỗi Cổ phần, ngoại trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có thể phát hành các Cổ phần đó với khoản chiết khấu (i) tối đa là 05% nếu được Pháp luật cho phép, hoặc (ii) trên 05% nếu được Pháp luật cho phép và được chấp thuận bởi Đại Đa số phiếu của Đại Hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá thị trường của mỗi Cổ phần phải được Hội đồng Quản trị xác định một cách trung thực. Khi thực hiện các nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một công ty kiểm toán đủ điều kiện để đưa ra đánh giá.

8.2. Bán cho các Cổ đông hiện hữu

Trừ khi có quyết định khác bằng biểu quyết chấp thuận của Đại Đa số phiếu của Đại Hội đồng Cổ đông và phụ thuộc vào các quy định của Pháp luật có quy định khác, nếu Công ty đề nghị phát hành thêm Cổ phần hoặc bất kỳ loại chứng khoán nào khác mà có thể được chuyển đổi thành Cổ phần, cho dù là trái phiếu chuyển đổi, quyền chọn, chứng quyền hoặc chứng khoán khác cho các bên thứ ba, nhưng không bao gồm việc phát hành theo ESOP đã được chấp thuận hợp lệ theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật, Công ty sẽ trao cho Cổ đông quyền ưu tiên đăng ký mua Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác có thể được chuyển đổi thành Cổ phần đó theo các thủ tục được quy định dưới đây:

(a) Công ty sẽ gửi văn bản thông báo ý định phát hành Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác của mình đến từng Cổ đông trong đó nêu rõ loại Cổ phần hoặc chứng khoán khác phát hành thêm, giá bán và các điều khoản chung của việc phát hành mà Công ty đề xuất thực hiện, thời điểm phát hành, và số lượng Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác phát hành thêm mà mỗi Cổ đông được quyền mua theo Điều 8.2 này;

(b) sau khi thông báo trên được gửi bằng thư điện tử hoặc qua bưu điện và đảm bảo đến được địa chỉ của các Cổ đông như được ghi nhận trong Sổ Đăng ký Cổ đông vào ngày của thông báo, mỗi Cổ đông sẽ có hai mươi (20) ngày để gửi văn bản đến Công ty về việc đồng ý mua số lượng Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác phát hành thêm tương ứng với tỷ lệ Cổ phần mà mỗi Cổ đông đang nắm giữ trong Công ty theo mức giá

và các điều kiện ghi trong thông báo, đồng thời nêu rõ số lượng Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác sẽ mua thêm;

(c) Nếu một Cổ đông không thực hiện đầy đủ quyền ưu tiên mua trong vòng hai mươi (20) ngày nêu trên, thì trong chín mươi (90) ngày kế tiếp theo đó, Công ty sẽ có quyền bán hoặc ký kết thỏa thuận bán số Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác phát hành thêm tương ứng với số lượng Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác bị Cổ đông đó từ chối mua theo quy định trong điều khoản này, nhưng giá và các điều kiện dành cho người mua không được ưu đãi hơn giá và các điều kiện được ghi trong thông báo Công ty gửi cho các Cổ đông.

8.3. Tỷ lệ Cổ phần của một Cổ đông theo Điều 8.2 sẽ bằng với (i) số lượng Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác sẽ được phát hành nhân với (ii) số lượng Cổ phần được Cổ đông đó nắm giữ trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn chia cho (iii) Tổng số Cổ phần đã phát hành.

8.4. Phát hành riêng lẻ

Việc phát hành riêng lẻ Cổ phần bởi Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.

8.5. Việc phát hành thêm Cổ phần phải tuân thủ tất cả quy định của Pháp luật và theo quy định của Điều lệ này, bao gồm các điều kiện về giá cả, phương thức thanh toán, chuyển nhượng, nhượng lại, chuyển đổi, tước quyền hoặc những điều kiện khác.

Điều 9. Giảm vốn điều lệ

Vốn Điều lệ có thể được giảm theo phương thức, số tiền và thời điểm giảm Vốn Điều lệ (bao gồm cả việc mua lại Cổ phần từ Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần mà mỗi Cổ đông đang nắm giữ trong Công ty) như được chấp thuận bởi Đại Hội đồng Cổ đông bằng Đại Đa số phiếu và tuân theo các điều kiện hoặc Chấp thuận của Nhà Nước nếu được Pháp luật quy định.

Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu

10.1. Cổ đông của Công ty được chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ phần sở hữu.

10.2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn Cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu được phát hành theo hình thức do Hội đồng Quản trị quyết định và phải bao gồm các thông tin dưới đây, trong phạm vi được Pháp luật quy định:

(a) Tên, mã số doanh nghiệp và Trụ sở Chính của Công ty;

(b) Loại Cổ phần, mệnh giá mỗi Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu;

(c) Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, và số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; hoặc, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

(d) Tóm tắt thủ tục chuyển nhượng Cổ phần;

(e) Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty; và

(f) Số đăng ký tại Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phiếu.

10.3. Sau khi Cổ đông đã được ghi tên vào Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty theo quy định tại Điều 34, Tổng Giám đốc phải phát hành, hoặc đảm bảo có một nhân viên của Công ty được ủy quyền phát hành, cho Cổ đông có liên quan Cổ phiếu đối với các Cổ phần mà Cổ đông đó nắm giữ theo như quy định của Điều 10 này.

10.4. Phụ thuộc vào Điều 10.5 dưới đây, mỗi Cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông đó nắm giữ, mà không phải trả bất kỳ một khoản phí nào. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty thay thế nhiều Cổ phiếu đại diện cho các Cổ phần nắm giữ bằng một Cổ phiếu chung.

10.5. Nếu Cổ phiếu bị xóa, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, Tổng Giám đốc sẽ phát hành Cổ phiếu mới theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

(a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

(b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Cổ phiếu mới sẽ có hiệu lực bãi bỏ và thay thế Cổ phiếu cũ bị xóa, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 12. Chuyển nhượng Cổ phần

12.1. Cổ phần có thể được chuyển nhượng cho bất kỳ Người nào theo quy định và thủ tục do Điều lệ này quy định và phụ thuộc vào các thỏa thuận giữa các Cổ đông và / hoặc bất kỳ tài liệu nào khác ràng buộc Cổ đông đó được xác nhận bởi Công ty, nếu có. Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép vào Sổ Đăng ký Cổ đông theo như quy định trong Điều 34 của Điều lệ này.

12.2. Để đăng ký việc chuyển nhượng Cổ phần vào Sổ Đăng ký Cổ đông, Cổ đông phải gửi yêu cầu bằng văn bản cho Đại diện theo Pháp luật cùng với bản gốc Cổ phiếu thể hiện số Cổ phần được chuyển nhượng, trừ trường hợp Cổ phiếu bị xóa, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa theo quy định tại Điều 10.5 của Điều lệ này.

12.3. Ngay sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản và Cổ phiếu có liên quan, Công ty phải ghi nhận các chi tiết liên quan đến việc chuyển nhượng vào Sổ Đăng ký Cổ đông. Tuy nhiên, Công ty có quyền từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu như việc chuyển nhượng các Cổ phần không được Pháp luật cho phép hoặc trái với các điều khoản của Điều lệ này hoặc vi phạm bất kỳ thỏa thuận riêng nào bằng văn bản có thể tồn tại vào từng thời điểm giữa Cổ đông chuyển nhượng và Công ty. Nếu

Công ty từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng Cổ phần, việc từ chối này phải được thông báo cho Người được chuyển nhượng Cổ phần trong thời gian tối đa là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận yêu cầu bằng văn bản.

12.4. Trong trường hợp Cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, Cổ phần sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 13. Chuyển giao Cổ phần

13.1. Trong trường hợp một Cổ đông qua đời, chỉ những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của Người đã qua đời theo quy định của Pháp luật mới được Công ty thừa nhận là có quyền, hoặc hưởng lợi, đối với Cổ phần của người đã qua đời. Tuy nhiên quy định tại Điều này không giải phóng tài sản của Cổ đông đã qua đời khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất cứ Cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

13.2. Một Người có các quyền thừa hưởng đối với một Cổ phần vì lý do một Cổ đông qua đời hoặc bị phá sản sẽ trở thành Cổ đông của Công ty với điều kiện người đó cung cấp được các bằng chứng đáp ứng yêu cầu của Hội đồng Quản trị và thông tin của Cổ đông đã được ghi nhận trong Sổ đăng ký Cổ đông theo Điều 34 Điều lệ này.

13.3. Một Người có quyền thừa hưởng đối với một Cổ phần vì lý do một Cổ đông qua đời hoặc bị phá sản sẽ có mọi quyền đối với Cổ phần như thể người này là Cổ đông, tuy nhiên người đó chỉ có quyền tham dự và biểu quyết trong các Đại Hội đồng Cổ đông sau khi đã đăng ký trở thành Cổ đông.

Điều 14. Thanh toán mua Cổ phần

14.1. Các Cổ phần do Công ty phân phối cho Cổ đông và/hoặc bất kỳ Người nào khác phải được thanh toán đầy đủ một lần trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày thông báo phân phối Cổ phần có liên quan trừ khi Pháp luật hoặc nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông quy định khác.

14.2. Bất kỳ Người nào được phân phối Cổ phần nhưng không thanh toán cho số Cổ phần này theo quy định của Điều lệ này sẽ không trở thành Cổ đông và không được ghi nhận là Cổ đông trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, cũng như không được cấp Cổ phiếu.

14.3. Việc thanh toán tiền mua Cổ phần có thể được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam.

14.4. Trong trường hợp Pháp luật yêu cầu, việc thanh toán mua Cổ phần có thể được chứng nhận bằng biên bản trong đó ghi rõ:

(a) tên và địa chỉ của Cổ đông thực hiện việc thanh toán;

(b) tên và địa chỉ của Công ty;

14.5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn Cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thu hồi Cổ phần đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp

15.1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá Cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

15.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số Cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

15.3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các Cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

15.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các Cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.

15.5. Cổ đông nắm giữ Cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những Cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá Cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

15.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ Cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 16. Mua lại Cổ phần

16.1. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông

(a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

(b) Công ty phải mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Điều 16.1(a) nêu trên với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán Cổ phần cho Người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp có uy tín quốc tế để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

16.2. Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi (30) phần trăm tổng số Cổ phần phổ thông đã bán và số lượng không giới hạn Cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

(a) Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số Cổ phần của mỗi loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;

(b) Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần nhưng giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 16.2(c) dưới đây;

(c) Công ty có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong Công ty. Trong phạm vi tối đa được Pháp luật cho phép, quy trình mua lại Cổ phần theo Điều 16.2(c) này sẽ được quyết định bởi (i) Hội đồng Quản trị trong trường hợp mua lại không quá mười (10) phần trăm tổng số Cổ phần của mỗi loại đã bán trong mỗi thời hạn mười hai (12) tháng và (ii) Đại Hội đồng Cổ đông trong các trường hợp khác.

Điều 17. Trái phiếu

17.1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc bán trái phiếu riêng lẻ theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Tất cả điều kiện và điều khoản liên quan đến việc phát hành trái phiếu phải được Hội đồng Quản trị thông qua bằng nghị quyết, ngoại trừ trường hợp Hội đồng Quản trị ủy quyền vấn đề trên cho Tổng Giám đốc một cách hợp pháp.

17.2. Trong trường hợp Công ty phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành Cổ phần của Công ty, các quy định từ Điều 8.2 đến Điều 8.5 sẽ áp dụng cho việc phát hành đó, với những thay đổi cần thiết.

17.3. Người chủ sở hữu trái phiếu không trở thành Cổ đông và không có các quyền của Cổ đông. Quyền của chủ sở hữu trái phiếu đối với Công ty được quy định riêng trong các điều khoản và điều kiện của trái phiếu.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

18.1. Đại Hội đồng Cổ đông.

18.2. Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị.

18.3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Quy định chung về Cổ đông

19.1. Trong phạm vi Pháp luật yêu cầu, Công ty phải có ít nhất ba (03) Cổ đông. Trước khi tiến hành chào bán Cổ phần ra công chúng lần đầu, tổng số lượng Cổ đông không được vượt quá một trăm (100) Cổ đông trừ khi Hội đồng Quản trị quyết định khác đi.

19.2. Mỗi Cổ đông được quyền sở hữu một hay nhiều Cổ phần.

19.3. Các Cổ đông của Công ty có quyền tham gia vào các thỏa thuận giữa các cổ đông để quy định các quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến việc đầu tư vào Công ty.

Điều 20. Quyền của Cổ đông

20.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

(a) tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, Pháp luật quy định đối với tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông. Mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

(b) được nhận cổ tức tại thời điểm và với giá trị do Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của Điều lệ này;

(c) được ưu tiên mua Cổ phần mới theo quy định của Điều lệ này;

(d) tự do chuyển nhượng Cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp các Cổ phần phát hành có hạn chế chuyển nhượng theo bất kỳ thỏa thuận giữa các Cổ đông và/hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác ràng buộc Cổ đông có liên quan được xác nhận bởi Công ty hoặc theo quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của Pháp luật có liên quan;

(e) khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty với tỷ lệ tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán tất cả khoản nợ cho tất cả chủ nợ là những người có thứ tự thanh toán ưu tiên hơn theo Pháp luật quy định;

(f) được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông và nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông;

(g) được xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và có quyền yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

(h) xem danh sách Cổ đông có quyền dự Đại Hội đồng Cổ đông và các quyền biểu quyết của các Cổ đông này;

(i) yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

(j) được Công ty đối xử bình đẳng. Mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại Cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ phần ưu đãi phải được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;

(k) được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của Pháp luật;

(l) được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và

(m) có các quyền khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

20.2. Ngoài các quyền do Điều lệ này hoặc Pháp luật quy định, bất kỳ Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông cùng sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên, có quyền đề cử các Thành viên Hội đồng Quản trị theo tỷ lệ phần trăm bằng hoặc xấp xỉ bằng tỷ lệ sở hữu Cổ phần của mình trong tổng số Cổ phần của Công ty (không bao gồm bất kỳ Cổ phần nào do các Cổ đông sở hữu dưới 10% Tổng số Cổ phần đã phát hành).

Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:

(a) Các Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại Hội đồng Cổ đông;

(b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các Cổ đông khác đề cử.

20.3. Ngoài các quyền do Điều lệ này hoặc Pháp luật quy định, bất kỳ Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông cùng sở từ 05% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên, đều có các quyền sau:

(a) Yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường trong các trường hợp sau:

(i) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

(ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã hết hạn quá sáu (6) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế; hoặc

(iii) các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

(b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

(c) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 21. Nghĩa vụ của Cổ đông

Ngoài các nghĩa vụ do Điều lệ này và Pháp luật quy định, bất kỳ Cổ đông nào đều có các nghĩa vụ sau:

(a) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua số Cổ phần đã cam kết;

(b) Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

(c) Chịu trách nhiệm về nợ và các khoản phải thanh toán trong phạm vi Cổ phần của mình;

(d) Tuân thủ theo các quy định của Điều lệ này, các quy định khác của Công ty, tất cả nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị được thông qua theo quy định của Điều lệ;

(e) Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp, chỉ sử dụng thông tin này để thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

(f) Tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

(i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

(iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

(iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

(v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ này.

(g) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

(i) Vi phạm Pháp luật;

(ii) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(iii) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

(h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 22. Đại Hội đồng Cổ đông

22.1. Đại Hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại Hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần tại thời điểm và địa điểm do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, với điều kiện Cuộc Họp Thường niên không muộn hơn bốn (4) tháng sau khi kết thúc năm tài chính trừ khi được Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn nhưng không vượt quá (6) sáu tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội

đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

22.2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

22.3. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập bằng thông báo trong các trường hợp sau:

(a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

(b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;

(c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên yêu cầu triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông theo Điều 20.3; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan;

(d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 20.2 khi có việc từ chức, sa thải hoặc thu hồi việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị.

(e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

22.4. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường

(a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập còn lại như quy định tại Điều 22.3(b) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 22.3(c).

(b) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 22.4(a) thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 22.3(c) có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông

23.1. Đại Hội đồng Cổ đông thực thi tất cả quyền hạn của Công ty nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này. Ngoài các quyền hạn nêu dưới đây, Đại Hội đồng Cổ đông còn có thể ủy thác một số quyền hạn của mình cho Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm.

23.2. Đại Hội đồng Cổ đông có quyền bỏ phiếu tán thành các vấn đề sau theo nguyên tắc Đa số Phiếu hoặc Đại Đa số Phiếu theo quy định của Điều 30.1 hoặc Điều 30.2 tùy từng trường hợp:

(a) thông qua định hướng phát triển của Công ty;

(b) quyết định số tiền cổ tức hàng năm mà Công ty chi trả;

(c) quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn Báo cáo Tài chính Thường Niên;

(d) thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

(e) quyết định mua lại hơn 10% tổng số Cổ phần đã phát hành của từng loại;

(f) quyết định việc phát hành Cổ phần (bao gồm các quyền lợi, quyền ưu đãi, quyền hạn và đặc quyền của Cổ phần, và số lượng Cổ phần được phát hành) và các loại chứng khoán vốn có thể chuyển đổi thành cổ phần của Công ty thông qua việc sử dụng một công ty chứng khoán hoặc ngân hàng đầu tư, được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị, để thực hiện việc huy động vốn từ việc phát hành Cổ phần hoặc chứng khoán vốn như vậy và quy trình huy động vốn được thực hiện theo phương thức chào giá cạnh tranh;

(g) quyết định chương trình ESOP;

(h) ngoại trừ các vấn đề tại điểm (f) và (g) của Điều này, quyết định các loại cổ phần sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu đãi, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại Cổ phần, và số lượng Cổ phần được phát hành đối với mỗi loại, quyết định các loại chứng khoán có thể chuyển đổi thành chứng khoán vốn của Công ty;

(i) quyết định việc Công ty đầu tư vào việc sở hữu bất động sản có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất ngoại trừ các vấn đề được bao gồm trong kế hoạch phát triển của Công ty được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận;

(j) bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;

(k) xem xét và quyết định xử lý các sai phạm của Hội đồng Quản trị, và Ban Tổng Giám đốc gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc cho các Cổ đông của Công ty;

(l) chấp thuận các giao dịch sau đây:

giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch vay, mua hoặc bán tài sản, mua hoặc bán cổ phần của Công ty, bảo lãnh hoặc các hợp đồng phát sinh nghĩa vụ, hoặc các hợp đồng thương mại khác có giá trị từ 10% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: (i) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Thành viên Ban điều hành và Người có liên quan của các đối tượng này; (ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn Cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ; và (iii) doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

(m) quyết định tái tổ chức, tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty; quyết định việc Công ty nộp đơn xin thanh lý, xin chịu sự quản lý về tài sản hoặc tổ chức lại theo luật phá sản hoặc thực hiện bất kỳ hành động tương tự nào;

(n) quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ này;

(o) thay đổi chế độ kế toán áp dụng;

(p) quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;

(q) phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;

(r) thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;

(s) phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán độc lập, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

(t) phê duyệt bất kỳ giao dịch bán, chuyển nhượng, thuê hay việc định đoạt khác đối với tài sản hoặc của cải hoặc cổ phần của Công ty trong các Công ty Con, hoặc một nhóm tài sản của Công ty (ngoại trừ giao dịch bán các sản phẩm do Công ty sản xuất trong quá trình kinh doanh thông thường của Công ty) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất trong bất kỳ khoảng thời gian 12 (mười hai) tháng nào sẽ có giá thị trường hợp lý hoặc theo giá trị giao dịch dự kiến vượt quá 20% giá trị tổng tài sản của Công ty vào cuối năm tài chính gần nhất;

(u) phê duyệt việc tuyển dụng vào vị trí Thành viên Ban điều hành đối với Người có liên quan của bất kỳ Cổ đông Sáng lập tham gia vào điều hành Công ty hoặc Tổng Giám đốc nào;

(v) phê duyệt việc tạo lập, đầu tư hoặc tham gia các hoạt động thương mại mới, không liên quan chặt chẽ đến các hoạt động quan trọng gần đây nhất của Công Ty hoặc Công ty Con. Các hoạt động quan trọng sẽ được định nghĩa là hoạt động, loại sản phẩm hoặc dịch vụ, hoặc việc phân chia, làm phát sinh hơn 50% doanh thu của Công Ty hoặc Công ty Con trong Năm Tài Chính gần nhất;

(w) các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

23.3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình Đại Hội đồng Cổ đông phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại Hội đồng Cổ đông

24.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

24.2. Việc ủy quyền, thay đổi hoặc hủy bỏ ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 24.1 phải lập thành văn bản để gửi đến Hội đồng Quản trị, và sẽ có hiệu lực khi Hội đồng Quản trị nhận được văn bản này. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của Pháp luật về dân sự, không nhất thiết phải tuân thủ theo một mẫu nhất định nào, miễn là nội dung của văn bản được trình bày rõ ràng và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng Cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 24.1 không được ủy quyền lại cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác, và cũng không được thực hiện các quyền khác ngoài phạm vi được ủy quyền theo văn bản ủy quyền. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là một Cổ đông.

24.3. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể ban hành mẫu giấy ủy quyền để sử dụng trong các phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông. Việc ủy quyền không loại trừ việc Cổ đông có thể tham dự và tham gia bỏ phiếu tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

24.4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

(a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

(b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

(c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Quy định tại Điều 24.4 này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Thay đổi các quyền

25.1. Phù hợp với điểm h Điều 23.2 Điều lệ này, việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số Cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số Cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

25.2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số Cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ Cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

25.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27, Điều 28 và Điều 29 Điều lệ này.

25.4. Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các Cổ phần cùng loại.

Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông

26.1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 22.3 Điều lệ này.

26.2. Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất phải được triệu tập chậm nhất là năm (5) tháng sau ngày ghi trên Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cấp lần đầu.

26.3. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

(a) Chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

(b) Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

(c) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

(d) Dự thảo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

(e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

(f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội đồng Cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;

(g) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

26.4. Thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

(a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

(b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;

(c) Phiếu biểu quyết;

(d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

26.5. Việc vì lý do khách quan không gửi được thông báo triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông đến bất kỳ Người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những Người này không nhận được thông báo triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông sẽ không làm vô hiệu các tiến trình của Đại Hội đồng Cổ đông đó. Tuy nhiên, Công ty có trách nhiệm phải chứng minh là thông báo đã được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ đã đăng ký một cách đúng đắn nếu có những sự thắc mắc, khiếu nại của Cổ đông không tham dự. Ngoài ra, nếu Đại Hội đồng Cổ đông bị hoãn lại vì không đủ số Cổ đông tham dự tối thiểu, ngay lập tức Công ty sẽ phải cố gắng bằng mọi nỗ lực để xác nhận bằng fax, thư điện tử, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin tương tự thông báo đến Cổ đông việc hoãn Đại Hội đồng Cổ đông và thời gian và địa điểm được dời lại của phiên họp.

26.6. Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông cùng nắm giữ ít nhất 5% Cổ phần phổ thông của Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị thay đổi hoặc thêm vào nội dung chương trình họp phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày của phiên họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ đông hoặc (các) Cổ đông kiến nghị, số lượng Cổ phần của mỗi Cổ đông này đang nắm giữ, chữ ký, và những vấn đề kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông.

26.7. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 26.6 nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

(a) Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng thời hạn quy định tại Điều 26.6 hoặc không đáp ứng đủ các thông tin quy định tại Điều 26.6;

(b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% Cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 20.3 Điều lệ này;

(c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;

(d) Vấn đề nêu trong kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung nếu được xem là vấn đề chủ yếu để yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường thì kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung này có thể bị bác bỏ căn cứ theo Điều 22.2 Điều lệ này.

26.8. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông từ chối kiến nghị theo quy định tại Điều 26.7 thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

26.9. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 26.6 nêu trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 26.7 nêu trên; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông

27.1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông nắm giữ ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) trên tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

27.2. Nếu không đủ số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại Đại Hội đồng Cổ đông hiện diện trong vòng một giờ đồng hồ sau khi phiên họp dự kiến bắt đầu, hoặc nếu trong quá trình họp Đại Hội đồng Cổ đông số đại biểu hiện diện dưới mức tối thiểu, cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại sang cùng ngày giờ vào tuần sau tại cùng địa điểm, và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại cuộc họp này (Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ) sẽ được giảm xuống ở mức nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) trên tổng số Cổ phần được quyền biểu quyết của Công ty.

27.3. Nếu không có đủ số đại biểu dự họp tối thiểu phải có trong phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông đã được hoãn lại như được nêu trong Điều 27.2 trong vòng một giờ sau giờ họp dự kiến, hoặc nếu trong quá trình họp số đại biểu có mặt giảm hơn số đại biểu tối thiểu phải có trong phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông, Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại lần thứ hai sang cùng ngày, giờ sau một tuần tại cùng địa điểm và số đại biểu tham dự tối thiểu trong phiên họp hoãn lại lần thứ hai này sẽ giảm xuống chỉ cần một Cổ đông.

Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông

28.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

(a) Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên Đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

(b) Cổ đông, người Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

28.2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

(a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hoặc trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, một Thành viên Hội đồng Quản trị được Hội đồng Quản trị chỉ định, sẽ chủ tọa phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông, nhưng nếu cả Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị được chỉ định thay thế (nếu có) đều không có mặt trong vòng mười lăm phút sau khi Đại Hội đồng Cổ đông dự kiến bắt đầu, các thành viên khác có mặt sẽ bầu một thành viên trong số họ làm chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận và nếu chỉ có duy nhất một Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt, thành viên này sẽ làm chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận. Nếu không thành viên nào trong Hội đồng Quản trị sẵn sàng làm chủ tọa, hoặc không thành viên nào trong Hội đồng Quản trị có mặt trong vòng ba mươi phút sau khi Đại Hội đồng Cổ đông dự kiến bắt đầu, các Cổ đông hiện diện tại cuộc họp có quyền bỏ phiếu chọn một người trong số họ làm chủ tọa;

(b) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

(c) Đại Hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

28.3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

28.4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

(a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông;

(b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

(c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

28.5. Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

28.6. Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Cổ đông có thể tham dự Đại Hội đồng Cổ đông bằng điện thoại với điều kiện mỗi Cổ đông này phải nghe được những Cổ đông khác có mặt tại Đại hội và các Cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì Cổ đông này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, không kể đến Điều 30.2, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.

28.7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

28.8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có quyền sau đây:

(a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

(b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

28.9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

(a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

(b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

(c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

28.10. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều 28.9 nêu trên, Đại Hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

28.11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

28.12. Thành viên Hội đồng Quản trị, cho dù người này không là Cổ đông, đều có quyền tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 29. Điều kiện để Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua

29.1. Ngoại trừ những trường hợp nêu tại Điều 29.2, một nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được thông qua nếu được chấp thuận bởi Đa số Phiếu.

29.2. Đối với bất kỳ vấn đề nào được liệt kê tại tại Điều 23.2(h), 23.2 (j), 23.2 (n), 23.2 (t), 23.2 (u), và 23.2(v) một nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông sẽ chỉ được thông qua nếu được chấp thuận bởi Cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp. Đối với bất kỳ vấn đề nào được liệt kê tại Điều 23.2(f), 23.2 (g), 23.2(i), 23.2(l) và 23.2(m) sẽ chỉ được thông qua nếu được chấp thuận bởi Đại Đa số Phiếu. Các vấn đề còn lại sẽ được thông qua với Đa số Phiếu.

29.3. Các Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 30. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

30.1. Đại Hội đồng Cổ đông sẽ quyết định bất kỳ vấn đề nào bằng nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

30.2. Cổ đông có mặt hoặc người đại diện được ủy quyền của họ sẽ bỏ phiếu để phê chuẩn các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Khi bỏ phiếu, Cổ đông đó sẽ có một phiếu cho mỗi Cổ phần biểu quyết đang nắm giữ. Kết quả bỏ phiếu sẽ được xem là nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

30.3. Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, bất cứ người nào trong số họ hoặc người đại diện được họ ủy quyền cũng có thể bỏ phiếu trong mọi cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông như là chủ sở hữu duy nhất của Cổ phần, nhưng nếu có nhiều hơn một Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền đồng sở hữu Cổ phần cùng có mặt tại một cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Cổ đông đồng sở hữu có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký Cổ đông sẽ có quyền bỏ phiếu thay mặt cho những Cổ đông khác.

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

31.1. Mọi quyết định có thể được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua theo Điều 29.1 và 29.2 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản mà không cần tổ chức cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Văn bản phê chuẩn này sẽ có hiệu lực tương đương với phiếu bầu tại Đại Hội đồng Cổ đông. Văn bản phê chuẩn này cũng có thể bao gồm một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều Cổ đông. Cụm từ "bằng văn bản" ở đây bao gồm sự phê chuẩn bằng thư điện tử hoặc bản fax, với văn bản gốc sẽ phải được gửi ngay sau đó. Bản gốc này phải được Công ty lưu trữ và sẵn sàng cung cấp cho Cổ đông kiểm tra.

Trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác đi, thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản sẽ được thực hiện theo quy định sau đây.

31.2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 26.4 Điều lệ này.

31.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(b) Mục đích lấy ý kiến;

(c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

(d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

(f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

31.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

(a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

(b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

(c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

31.5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

(c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

(d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

(e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

31.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông và Ban Tổng Giám đốc trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

31.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 32. Nghị quyết, Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông

32.1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(b) Thời gian và địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông;

(c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

(d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

(e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

(f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

(g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;

(h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

(i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

32.2. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

32.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

32.4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Biên bản phải được Công Ty lưu trữ trong Sổ Biên bản giữ tại Trụ sở Chính và phải sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông khi có nhu cầu kiểm tra.

32.5. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông và thông báo đến Ban Tổng Giám đốc trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp;

việc gửi Biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội đồng Cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam xem xét và huỷ bỏ nghị quyết trong các trường hợp sau:

33.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này trừ khi nghị quyết được thông qua bởi một trăm phần trăm (100%) số phiếu có quyền biểu quyết; hoặc

33.2. Nội dung Nghị quyết vi phạm quy định của Pháp luật và/hoặc Điều lệ này.

Điều 34. Sổ Đăng ký Cổ đông

34.1. Công ty sẽ lập và lưu giữ Sổ Đăng ký Cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu Cổ phần của mỗi Cổ đông. Sổ Đăng ký Cổ đông phải có các nội dung sau:

(a) Tên và Trụ sở Chính của Công ty;

(b) Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được phát hành và số Cổ phần được phát hành của từng loại;

(c) Số lượng và giá trị của Cổ phần đã phát hành;

(d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần mỗi loại nắm giữ của mỗi Cổ đông và ngày đăng ký Cổ phần; và

(e) Các chi tiết khác do Hội đồng Quản trị quy định vào từng thời điểm.

34.2. Sổ Đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở Chính của Công ty, và Tổng Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm về việc bảo quản và cập nhật Sổ Đăng ký Cổ đông, và về tính chính xác của tất cả thông tin ghi chép trong sổ.

34.3. Chậm nhất là mười bốn (14) ngày sau khi nhận đủ thanh toán cho các Cổ phần do Công ty phát hành, Tổng Giám đốc sẽ ghi chép hoặc đảm bảo rằng nhân viên của Công ty sẽ ghi chép các chi tiết có liên quan đến Cổ đông vào Sổ Đăng ký Cổ đông.

34.4. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Công ty biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của họ. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho các Cổ đông theo địa chỉ mới nhất được lưu trong Sổ Đăng ký Cổ đông.

34.5. Công ty không có quyền hủy bỏ hoặc thanh lý bất kỳ một tài liệu nào trong các hồ sơ sau đây trong thời hạn mười hai (12) năm:

(a) đơn chuyển nhượng Cổ phần đã được đăng ký, và các chứng từ khác làm cơ sở cho việc điều chỉnh các thông tin trong Sổ Đăng ký Cổ đông;

(b) các Cổ phiếu đã bị hủy bỏ;

và Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm chứng minh tính chính xác của bất kỳ các thông tin hoặc thiếu sót nào được ghi chép trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu Công ty không tuân thủ theo các điều khoản đã đề cập trong đoạn này.

Điều 35. Đại diện theo ủy quyền

35.1. Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bổ nhiệm một hoặc một số người làm Đại diện theo Ủy quyền trong các Công ty Con của Công ty. Đại diện theo Ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của một cổ đông của các Công ty Con của Công ty nhân danh Công ty phù hợp với Điều lệ này, các Điều lệ của Công ty Con và Pháp luật.

35.2. Đại diện theo Ủy quyền phải thỏa mãn các điều kiện sau:

(a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự:

(b) không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; và

(c) có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong các công việc kinh doanh chính của Công ty và các Công ty Con.

35.3. Đại diện theo Ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của họ phù hợp với các chỉ dẫn của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông theo Điều lệ này và Pháp luật. Đại diện theo Ủy quyền phải xin được chấp thuận trước bằng văn bản của Đại Hội đồng Cổ đông với một nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được chấp thuận bởi Cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp đối với từng vấn đề nêu tại Điều 23.2(h), 23.2(j), 23.2(n), 23.2(t), 23.2(u) và 23.2(v) như thể bất kỳ dẫn chiếu nào tại các điều đó (cho dù là cụ thể hay ngụ ý) đến "Công ty" đều được hiểu là dẫn chiếu đến "Công ty Con" có liên quan trước khi thực hiện quyền của họ nhân danh Công ty.

35.4. Đại diện theo Ủy quyền phải đạt được chấp thuận trước của Hội đồng Quản trị về tất cả vấn đề ngoài Điều 35.3 trước khi thực hiện quyền biểu quyết nhân danh Công ty trong các Công ty Con.

35.5. Đại diện theo Ủy quyền có nghĩa vụ tham dự tất cả cuộc họp quản lý của Công ty Con có liên quan, để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty trong Công ty Con một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm mục đích bảo vệ tốt nhất các lợi ích hợp pháp của Công ty và Công ty Con.

35.6. Mỗi Đại diện theo Ủy quyền, sẽ tùy từng thời điểm hành động trong tinh thần thiện chí, và thực hiện các nghĩa vụ của họ nhân danh Công ty, cho lợi ích tốt nhất của Công ty, và không thực hiện những hành động dẫn đến kết quả là Công ty vi phạm Pháp luật.

35.7. Quyền biểu quyết của Đại diện theo Ủy quyền trong Công ty Con liên quan sẽ được phân chia theo phần trăm Vốn Điều lệ do Công ty nắm giữ trong Công ty Con này. Trong trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ định nhiều hơn một Đại diện theo Ủy

quyền, quyền biểu quyết của mỗi Đại diện theo Ủy quyền sẽ được quyết định bởi Đại Hội đồng Cổ đông.

35.8. Không có bất kì Đại diện theo Ủy quyền nào có quyền cam đoan, hoặc đưa ra bất kì bảo đảm thực hiện bất kì thỏa thuận nào nhân danh Công ty hoặc ràng buộc Công ty dưới bất kì hình thức nào trừ trường hợp được quy định cụ thể tại đây hoặc bằng nghị quyết của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị được triệu tập và tổ chức hợp lệ hoặc nghị quyết bằng văn bản phù hợp với Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

36.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

(a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

(b) Trình độ chuyên môn;

(c) Quá trình công tác;

(d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);

(e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

(f) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

36.2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 20.2 Điều lệ này.

36.3. Trường hợp số ứng cử viên Hội đồng Quản trị được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định tại Điều lệ này thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các Cổ đông khác đề cử.

Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

37.1. Trừ khi có quyết định khác từ Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ gồm từ 08 (tám) đến 09 (chín) Thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ do Đại Hội đồng Cổ đông bầu theo theo quy định của Điều lệ này.

37.2. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị

(a) Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ năm (5) năm và có thể được Đại Hội đồng Cổ đông tái bổ nhiệm trong các nhiệm kỳ liên tiếp. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

(b) Trường hợp bầu bổ sung hoặc bầu thay thế thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung, thay thế này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.

37.3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.

Trường hợp Công ty là công ty đại chúng chưa niêm yết, cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty có ít hơn 05 (năm) người, Công ty phải đảm bảo có 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị có 08 (tám) thành viên thì có 02 (hai) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị có 09 (chín) thành viên thì có 03 (ba) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.

Trường hợp Công ty là công ty đại chúng niêm yết, tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải đảm bảo có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập.

37.4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

37.5. Trường hợp có nhiều ứng cử viên Hội đồng quản trị và phải lựa chọn thành viên Hội đồng Quản trị trong số các ứng cử viên Hội đồng Quản trị được đề cử đó, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt tùy từng thời điểm.

Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

38.1. Ngoài những quyền hạn và nghĩa vụ quy định cụ thể dưới đây hoặc quy định cho Đại Hội đồng Cổ đông theo Điều lệ này hoặc quy định bởi Pháp luật, Hội đồng Quản trị sẽ có quyền và trách nhiệm quản lý tất cả hoạt động chính của Công ty, và sẽ quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty, kể cả các vấn đề xác định trong Điều 38.2.

38.2. Không giới hạn bởi những quy định chung nêu trên và phụ thuộc vào quyền hạn và nhiệm vụ quy định cụ thể cho Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị còn có các quyền và trách nhiệm sau:

(a) phê chuẩn và chỉ đạo chiến lược của Công ty, các kế hoạch hành động chính yếu, chính sách quản lý rủi ro, ngân sách và kế hoạch kinh doanh trung hạn và dài hạn, và xác lập các mục tiêu hiệu quả hoạt động theo Điều 38.2(b);

(b) xem xét và đề xuất các kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty để đệ trình lên Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;

(c) đề xuất các loại Cổ phần mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu tiên, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại Cổ phần, và số lượng Cổ phần được phát hành đối với mỗi loại để Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn;

(d) quyết định mua lại Cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

(e) quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp luật;

(f) quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

(g) quyết định cơ cấu tổ chức Công ty, ngoại trừ các vấn đề liên quan đến các cơ quan, đơn vị hoặc phòng ban của Công ty đã được quy định trong Điều lệ này;

(h) phê duyệt bất kỳ giao dịch bán, chuyển nhượng, thuê hay việc định đoạt khác đối với tài sản hoặc của cải hoặc cổ phần của Công ty trong các Công ty Con, hoặc một nhóm tài sản của Công ty (ngoại trừ giao dịch bán các sản phẩm do Công ty sản xuất trong quá trình kinh doanh thông thường của Công ty) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất trong bất kỳ khoảng thời gian 12 (mười hai) tháng nào sẽ có giá thị trường hợp lý hoặc theo giá trị giao dịch dự kiến bằng hoặc dưới 20% giá trị tổng tài sản của Công ty vào cuối năm tài chính gần nhất;

(i) đề nghị và tư vấn quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị để Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt;

(j) quyết định thành lập các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện Công ty trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam cũng như đầu tư vào các công ty khác phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn;

(k) xem xét và đệ trình các Báo cáo Tài chính Thường niên lên Đại Hội đồng Cổ đông để được phê chuẩn;

(l) kiến nghị lên Đại Hội đồng Cổ đông về mức cổ tức được trả; quyết định thời gian và phương thức chi trả cổ tức; và quyết định về phương pháp xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;

(m) kiến nghị lên Đại Hội đồng Cổ đông các vấn đề về tái tổ chức, tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty;

(n) bổ nhiệm, quyết định mức lương, giám sát, và trong trường hợp cần thiết, bãi nhiệm và thay thế các Thành viên Ban Điều hành và giám sát kế hoạch thay thế nhân sự mà Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền một phần hoặc toàn bộ cho Tổng Giám đốc thực hiện;

(o) đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo tài chính và kế toán của Công ty, kể cả kiểm toán độc lập và đảm bảo các hệ thống kiểm soát phù hợp được thiết lập, đặc biệt

là các hệ thống giám sát rủi ro, kiểm soát tài chính, và giám sát sự tuân thủ theo quy định của Pháp luật;

(p) quyết định mọi việc đăng ký mua, chuyển nhượng, hoặc giao dịch khác liên quan đến, các Cổ phần dẫn đến việc số lượng Cổ đông vượt quá một trăm (100) người; vì mục đích của Điều khoản này, Hội đồng Quản trị phải bảo đảm rằng không có bất kỳ giao dịch đăng ký mua, chuyển nhượng hoặc giao dịch nào khác được đăng ký vào Sổ Đăng ký Cổ đông hoặc với Cơ quan Cấp phép trừ khi và cho đến khi Hội đồng Quản trị có quyết định khác đi;

(q) kiểm tra, giám sát và đưa chỉ dẫn hàng ngày cho bất kì Đại diện theo Ủy quyền nào phù hợp với các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;

(r) phê duyệt một số chính sách và định hướng rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh cho vay của Công ty và các Công ty Con (và bất kỳ thay đổi nào), bao gồm nhưng không giới hạn ở lãi suất áp dụng và các khoản phí và chi phí khác, tỷ lệ cho vay trên tài sản, kỳ hạn, loại tài sản bảo đảm và phê duyệt khoản vay;

(s) bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

(t) duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;

(u) có các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo như quy định tại Điều lệ này, trong phạm vi tối đa được Pháp luật cho phép, cũng như những quyền hạn và nghĩa vụ khác được Pháp luật quy định;

(v) đề xuất công ty kiểm toán độc lập hàng năm trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt;

(w) giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

(x) quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

(y) quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

(z) Chấp thuận các giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch vay, mua hoặc bán tài sản, mua hoặc bán cổ phần của Công ty, bảo lãnh hoặc các hợp đồng phát sinh nghĩa vụ, hoặc các hợp đồng thương mại khác có giá trị hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính năm gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: (i) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc,

Thành viên Ban điều hành và Người có liên quan của các đối tượng này; (ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn Cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ; và (iii) doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

(aa) Phê duyệt quỹ thưởng hiệu quả làm việc cho nhân viên dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Công ty;

(bb) Quyết định số lượng Đại diện theo Ủy quyền để hành động nhân danh Công ty trong bất kì Công ty Con nào của Công ty, quyết định quyền hạn và trách nhiệm của các Đại diện theo Ủy quyền này, và chỉ định và thay thế các Đại diện theo Ủy quyền này;

(cc) Phê duyệt việc thành lập các liên doanh, công ty con hoặc các pháp nhân khác do Công Ty sở hữu;

(dd) Quyết định việc Công ty đầu tư vào việc sở hữu bất động sản có giá trị bằng hoặc dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính năm gần nhất ngoại trừ các vấn đề được bao gồm trong kế hoạch phát triển của Công Ty được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận;

(ee) Phê duyệt việc Công ty ký kết bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết nào, hoặc một nhóm các hợp đồng hoặc cam kết có liên quan có giá trị hoặc có khả năng dẫn đến chi phí mà Công ty phải trả vượt quá 20% tổng tài sản của Công ty vào cuối năm tài chính gần nhất;

38.3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 39. Thành viên Hội đồng Quản trị

39.1. Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị phải chứng minh rằng mình đáp ứng được những điều kiện sau:

(a) Trừ trường hợp là Cổ đông hoặc nắm giữ các chức danh quản lý trong Công ty Con hoặc trừ trường hợp được chấp thuận khác của Đại Hội đồng Cổ đông, không đồng thời là:

(i) thành viên Hội đồng Quản trị của bất cứ công ty nào đang cạnh tranh với Công ty, ngoại trừ Công ty Con của Công ty;

(ii) cán bộ điều hành của bất cứ công ty nào đang cạnh tranh với Công ty, ngoại trừ Công ty Con của Công ty;

(iii) là bên có lợi ích thụ hưởng từ bất kỳ công ty nào đang cạnh tranh với Công ty, ngoại trừ Công ty Con của Công ty; hoặc

(iv) Người có liên quan của những người quy định từ đoạn (i) đến đoạn (iii) kể trên;

(b) Ngoại trừ là Cổ đông Sáng lập cá nhân hoặc người được bổ nhiệm của Cổ đông cá nhân, trong mỗi trường hợp sở hữu ít nhất 10% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty hoặc người khác hội đủ những năng lực chuyên môn hoặc kỹ năng cần thiết để thực thi các

chức năng của một Thành viên Hội đồng Quản trị và có thể tổ chức và điều hành Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty;

(c) Có sức khỏe và đạo đức tốt;

(d) Không có tiền án tiền sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và

(e) Các điều kiện khác do Đại Hội đồng Cổ đông quy định đối với Thành viên Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm.

39.2. Trừ trường hợp Pháp luật về chứng khoán có quy định khác, Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

(b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;

(c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

(d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; và

(e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

39.3. Một Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm nếu:

(i) thành viên này không còn đáp ứng các điều kiện quy định trong Điều 39.1 hoặc bị Pháp luật cấm không cho phép giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị;

(ii) thành viên này bị hoặc có khả năng bị rối loạn thần kinh;

(iii) thành viên này gửi thông báo từ chức bằng văn bản đến Công ty;

(iv) thành viên này liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục mà không được phép của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị quyết định thành viên đó bị bãi nhiệm; hoặc

(v) đa số các Cổ đông tại Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông biểu quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị.

39.4. Một Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm nếu:

(a) thành viên này không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 39.2 hoặc bị Pháp luật cấm không cho phép giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;

(b) thành viên này thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm (ii), (iii) và (iv) Điều 39.3;

(c) đa số các Cổ đông tại Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông biểu quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị Độc lập.

39.5. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 39.2 và đương nhiên không còn là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có liên quan.

39.6. Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ được Công ty hoàn lại các chi phí hợp lý phát sinh từ việc tham dự họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông bao gồm tiền đi lại, lưu trú khách sạn, và các khoản chi tiêu hợp lý khác nhưng sẽ không được hưởng lương trừ trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị cũng đồng thời là Thành viên Ban Điều hành hoặc là một nhân viên trong Công ty.

39.7. Không một Thành viên Hội đồng Quản trị nào được quyền đại diện, đảm bảo, cam kết thay mặt Công ty hoặc ràng buộc Công ty vào bất kỳ nghĩa vụ nào trừ trường hợp được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc trong nghị quyết của Hội đồng Quản trị được triệu tập và thông qua một cách hợp lệ hoặc trong văn bản nghị quyết theo quy định tại Điều 43 Điều lệ.

39.8. Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ tất cả nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

39.9. Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty, và không được thực hiện bất kỳ hành động nào dẫn đến việc Công ty vi phạm Pháp luật.

39.10. Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ tiến hành tự rà soát hàng năm, đánh giá sự tuân thủ và hành vi ứng xử của Hội đồng Quản trị liên quan đến các nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ này, và các tiêu chí bổ sung, nếu có. Kết quả đánh giá như vậy sẽ được xem xét khi quyết định thành phần của Hội đồng Quản trị của Công ty cho nhiệm kỳ tiếp theo.

Điều 40. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

40.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

40.2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

40.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

40.4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

40.5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

40.6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 41. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

41.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.

41.2. Khi Công ty trở thành Công ty đại chúng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

41.3. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một hoặc một số thành viên làm Phó Chủ tịch và có thể bãi nhiệm hoặc thay thế chức vụ Phó Chủ tịch theo quy định tại Điều 42.12.

41.4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

(b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

(c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

(d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

(e) Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông;

(f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

41.5. Trừ trường hợp không muốn đảm nhận, thành viên Hội đồng Quản trị được bầu vào vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ tọa tất cả cuộc họp của Hội đồng Quản trị khi

người này có mặt. Nhưng nếu không có Chủ tịch, hoặc Chủ tịch không muốn chủ tọa, hoặc Chủ tịch không có mặt trong vòng mười lăm (15) phút sau khi cuộc họp dự kiến bắt đầu, Phó Chủ tịch sẽ làm chủ tọa, hoặc nếu Phó Chủ tịch cũng không có mặt trong vòng mười lăm (15) phút sau khi dự kiến bắt đầu họp, các Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt sẽ bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp.

41.6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

41.7. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể đồng thời là Thành viên Ban Điều hành.

41.8. Hội đồng Quản trị Công ty sẽ tiến hành rà soát và đánh giá hàng năm về hiệu quả và hoạt động của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty trong nhiệm kỳ trước, so với các tiêu chí do Hội đồng Quản trị ban hành vào đầu mỗi nhiệm kỳ. Kết quả đánh giá như vậy sẽ được xem xét khi bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cho nhiệm kỳ tiếp theo.

Điều 42. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

42.1. Các Cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tổ chức theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, nhưng mỗi quý phải họp tối thiểu một lần và cuộc họp phải do Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa.

42.2. Chủ tịch có thể triệu tập các Cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo yêu cầu của:

(i) Tổng Giám đốc; hoặc

(ii) ít nhất hai (2) Thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc

(iii) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; hoặc

(iv) ít nhất năm (05) Thành viên Ban Điều hành.

Yêu cầu phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

42.3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại Điều 42.2 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

42.4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo triệu tập các Cuộc họp Hội đồng Quản trị đến mỗi Thành viên chậm nhất bảy (7) ngày làm việc trước ngày họp; tuy nhiên bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào cũng có thể đồng ý miễn nhận thông báo mời họp và việc đồng ý miễn nhận thông báo này cũng có thể áp dụng cho những cuộc họp đã diễn ra trước đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải nêu rõ chương trình họp, thời gian và địa điểm họp, và phải có đính kèm các tài liệu cần thiết. Tổng Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị chương trình dự thảo cho mỗi cuộc họp thường

kỳ của Hội đồng Quản trị. Chương trình họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ do Người yêu cầu triệu tập Cuộc họp Hội đồng Quản trị cung cấp.

42.5. Khi được yêu cầu, các Thành viên Ban Điều hành hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cung cấp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị tất cả thông tin và/hoặc tài liệu khác có liên quan đến hoạt động của Công ty và liên quan đến Cuộc họp Hội đồng Quản trị.

42.6. Cuộc họp Hội đồng Quản trị lần thứ nhất phải được triệu tập chậm nhất bảy (7) ngày sau khi kết thúc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

42.7. Thông thường các Cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành tại Trụ sở Chính nhưng cũng có thể được tiến hành tại địa điểm khác do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm.

42.8. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể tham dự Cuộc họp Hội đồng Quản trị qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác với điều kiện mỗi Thành viên này có thể nghe rõ các Thành viên khác có mặt trong cuộc họp và các Thành viên có mặt cũng nghe rõ Thành viên này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị.

42.9. Nếu một Thành viên Hội đồng Quản trị không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng Quản trị, thành viên này có thể bổ nhiệm một người đại diện cho mình bằng văn bản (có thể là một Thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc không phải) để tham dự họp và đại diện cho mình trong cuộc họp với điều kiện là việc ủy quyền đó phải được đa số Thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Người đại diện có thể được ủy quyền tham dự một Cuộc họp Hội đồng Quản trị nhất định hoặc bất kỳ Cuộc họp Hội đồng Quản trị nào cho đến khi có thông báo khác của Thành viên ủy quyền. Mỗi văn bản chỉ định đại diện phải được gửi hoặc giao đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Trụ sở Chính của Công ty trước khi bắt đầu Cuộc họp Hội đồng Quản trị. Mỗi người đại diện sẽ có một phiếu bầu tương ứng với mỗi Thành viên mà người này đại diện và một phiếu bầu của mình nếu người đại diện cũng đồng thời là một Thành viên trong Hội đồng Quản trị.

42.10. Trong trường hợp cần thiết, các Thành viên Hội đồng Quản trị có thể cho phép người khác tham dự cuộc họp để phiên dịch, cố vấn, và hỗ trợ tư vấn tại các Cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng văn bản thông báo trước ba (3) ngày trước ngày diễn ra cuộc họp với điều kiện là những người đó phải cam kết tuân theo những yêu cầu bảo mật và phải được các thành viên khác của Hội đồng Quản trị chấp nhận.

42.11. Số Thành viên tham dự tối thiểu cần thiết để tiến hành họp Hội đồng Quản trị là 3/4 tổng số Thành viên đương nhiệm hiện diện hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự. Nếu số Thành viên tham dự tối thiểu cần thiết để tiến hành họp Hội đồng Quản trị không được đáp ứng, Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và số thành viên tham dự tối thiểu cần thiết để tiến hành họp tại Cuộc họp Hội đồng Quản trị được triệu tập lại là hơn một nửa số Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt.

42.12. Biểu quyết tại Cuộc họp Hội đồng Quản trị

(a) Trong mỗi Cuộc họp Hội đồng Quản trị, mỗi Thành viên sẽ có một phiếu bầu. Ngoại trừ điểm (ee) Điều 38.2 Điều lệ này phải được quyết định bởi 75% tổng số Thành viên tham dự, các vấn đề đặt ra trong cuộc họp sẽ được quyết định bởi đa số phiếu của các Thành viên tham dự (hiện diện hoặc có đại diện thay thế). Trong trường hợp số phiếu ngang nhau, phiếu bầu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ quyết định.

(b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được bỏ phiếu về các Giao dịch với Bên có liên quan mà Thành viên đó hoặc bất kỳ Người có liên quan nào mà Thành viên này có lợi ích.

(c) Các nội dung tại điểm (z) Khoản 2 Điều 38 chỉ được thông qua khi đáp ứng tỷ lệ 100% thành viên Hội đồng Quản trị thông qua (không bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong giao dịch).

Điều 43. Nghị quyết bằng văn bản thông qua không cần họp Hội đồng Quản trị

Theo yêu cầu của bất kỳ một Thành viên Hội đồng Quản trị nào, Hội đồng Quản trị có thể thông qua bất kỳ quyết định nào mà không cần tổ chức cuộc họp nếu như nhận được văn bản chấp thuận của số Thành viên Hội đồng Quản trị cần thiết để thông qua một quyết định tương tự trong trường hợp triệu tập cuộc họp theo đúng thể thức và phù hợp với Điều lệ này. Văn bản chấp thuận sẽ có hiệu lực giống như sự phê chuẩn của Thành viên Hội đồng Quản trị hiện diện tại cuộc họp chính thức. Văn bản chấp thuận có thể lập thành một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị. Các vấn đề sẽ được quyết định bởi đa số phiếu của Các Thành viên Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng văn bản. Văn bản chấp thuận có thể là bản fax nhưng phải kèm theo sau đó là bản gốc và được Công ty lưu giữ. Các nghị quyết bằng văn bản phải luôn sẵn sàng cung cấp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị kiểm tra.

Điều 44. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị

44.1. Tiến trình và các quyết định của các Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép vào biên bản bằng tiếng Việt, và trong trường hợp cần thiết theo sự xem xét của Hội đồng Quản trị, phải được dịch sang tiếng Anh. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể được ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp phải được ký bởi Chủ tọa và thư ký cuộc họp. Biên bản gốc sẽ được lưu giữ trong Sổ Biên bản. Sổ Biên bản phải luôn sẵn sàng cung cấp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị kiểm tra.

44.2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 45. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

45.1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chiến lược, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định, bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên

bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

45.2. Tiểu ban chiến lược trực thuộc Hội đồng Quản trị, bao gồm một số thành viên bên ngoài là: (i) chuyên gia ngành; (ii) có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm ở vị trí tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc tại một (hoặc một số) công ty dẫn đầu trên thế giới có cùng lĩnh vực kinh doanh với Công ty; và (iii) có khả năng đóng góp giá trị đáng kể vào chiến lược dài hạn của Công ty. Thành viên tiểu ban chiến lược có trách nhiệm tham gia đầy đủ và tích cực đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.

45.3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định Pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 46. Người phụ trách quản trị Công ty

46.1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

46.2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

46.3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

(i) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;

(ii) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Đại Hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;

(iii) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

(iv) Tham dự các cuộc họp;

(v) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;

(vi) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;

(vii) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

(viii) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

(ix) Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 47. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ áp dụng hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty sẽ có một Tổng Giám đốc, các thành viên khác trong Ban Điều hành và một số cán bộ quản lý, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp.

Điều 48. Thành viên Ban Điều hành của Công ty

48.1. Thành viên Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám, Kế toán trưởng và các Trưởng bộ phận và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng Quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty.

48.2. Thành viên Ban Điều hành phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

48.3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

48.4. Tiền lương của Thành viên Ban Điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 49. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

49.1. Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, ký kết hoặc chấm dứt Hợp đồng lao động. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện tuyển dụng khác do Hội đồng Quản trị quyết định. Tổng Giám đốc phải thường trú tại Việt Nam. Nếu Tổng Giám đốc vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

49.2. Tổng Giám đốc sẽ là người đại diện theo Pháp luật của Công ty đối với các vấn đề có liên quan đến hoạt động và quản lý Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đại diện Công ty trước tòa án và các Cơ quan Nhà Nước cũng như thay mặt Công ty thực hiện bất kỳ và tất cả hợp đồng với bên thứ ba. Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc bao gồm việc thực thi các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các quyết định của Hội đồng Quản trị; tổ chức và điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty phù hợp với các cơ cấu và thông lệ quản lý hiện đại. Tất cả nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích của Công ty.

49.3. Các Phó Tổng Giám đốc sẽ báo cáo cho Tổng Giám đốc, phối hợp và hỗ trợ Tổng Giám đốc.

49.4. Hội đồng Quản trị sẽ xác định trách nhiệm tương ứng của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và giao cho họ một số quyền hạn và thẩm quyền mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể thực hiện các nghĩa vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

49.5. Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:

(a) tổ chức soạn thảo các kế hoạch kinh doanh và ngân sách với đầy đủ chi tiết để đệ trình lên Hội đồng Quản trị, hoặc trong trường hợp cần thiết, lên Đại Hội đồng Cổ đông;

(b) điều hành, quản lý và tổ chức việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê chuẩn và các quyết định khác của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị, và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng quy định;

(c) giám sát các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty nói chung;

(d) đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước và trước những Người khác về tất cả vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của Điều lệ này và của các nghị quyết và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị;

(e) ký kết và thực hiện tất cả hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản khác, trừ các văn bản phải được Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông thông qua theo quy định trong Điều lệ này hoặc theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông;

(f) ký và thực hiện các hợp đồng tuyển dụng và khen thưởng, kỷ luật, và sa thải Thành viên Ban Điều hành, trừ bản thân Tổng Giám đốc, nhân viên và công nhân của Công ty và xác định các quyền và nghĩa vụ tương ứng của họ;

(g) quản lý việc thực thi tất cả quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;

(h) giám sát toàn bộ các khía cạnh của chiến lược kinh doanh, tài chính và ngoại hối, nhưng phải luôn trong giới hạn cho phép của Hội đồng Quản trị;

(i) thay mặt Công ty thanh toán và nhận các khoản tiền mặt, viết và nhận séc, nói chung, quản lý các tài khoản của Công ty, cũng như giải quyết tất cả vấn đề về tài chính, thuế, và ngoại hối của Công ty trong giới hạn cho phép được xác định bởi nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;

(j) thực thi các quyền và nghĩa vụ khác (A) không thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị hoặc (B) được Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị ủy thác hoặc giao cho bằng nghị quyết và nói chung thực hiện các nghĩa vụ theo sự chỉ đạo của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị;

(k) phân cấp, uỷ nhiệm và uỷ quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, các trưởng phòng trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. Người được uỷ nhiệm, uỷ quyền hay được phân cấp phải làm đúng các công việc được giao và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các phần việc đó. Tuy nhiên Tổng Giám đốc vẫn là người chịu trách nhiệm cuối cùng trước Hội đồng Quản trị;

(l) quyết định việc thành lập địa điểm kinh doanh, cửa hàng bán lẻ của Công ty; và

(m) quyết định việc tổ chức, thành lập, vận hành và giải thể các phòng ban trực thuộc quyền quản lý của Tổng Giám đốc.

49.6. Tổng Giám đốc có thể từ nhiệm vào bất kỳ thời điểm nào với điều kiện là Tổng Giám đốc phải gửi thông báo cho Công ty theo các quy định nêu tại hợp đồng lao động đã ký với Công ty.

49.7. Tổng Giám đốc có thể bị sa thải và thay thế vào bất kỳ thời điểm nào bởi Hội đồng Quản trị, nhưng điều này không ảnh hưởng đến yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại liên quan đến việc vi phạm bất kỳ hợp đồng nào ký kết giữa Tổng Giám đốc và Công ty.

49.8. Tổng Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc có quyền quyết định sau cùng trong việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.

49.9. Do tầm quan trọng của việc trao đổi thông tin chặt chẽ giữa Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty, Tổng Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị với vai trò quan sát viên, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi Tổng Giám đốc cũng đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị.

49.10. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc sẽ cung cấp đúng lúc và đầy đủ thông tin cho Ủy ban Kiểm toán khi được yêu cầu theo quy định tại Điều 53.8 Điều lệ.

Điều 50. Không kiêm nhiệm

Trừ trường hợp kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty Con hoặc trừ trường hợp được Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị phê chuẩn và được Pháp luật cho phép, Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban Điều hành khác không được đồng thời giữ chức vụ tổng giám đốc hoặc bất kỳ một vị trí quản lý khác hay là nhân viên của bất kỳ một tổ chức kinh tế nào khác tại Việt Nam. Không một nhân viên nào của Công ty, kể cả Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban Điều hành khác của Công ty, được tham gia hoặc làm việc cho bất kỳ tổ chức kinh doanh nào tại Việt Nam mà Hội đồng Quản trị cho rằng có khả năng gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 51. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

51.1. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

51.2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 52. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

52.1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.

52.2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về Pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

(a) làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

(b) là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

52.3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

53.1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;

53.2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

53.3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông;

53.4. Giám sát bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty;

53.5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt;

53.6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

53.7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;

53.8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán;

53.9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán;

53.10. Sử dụng dịch vụ tư vấn Pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;

53.11. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;

53.12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

53.13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán tuân theo quy định của Pháp luật có liên quan và trình Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 54. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

54.1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban Kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban Kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.

54.2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác (nếu có) được quy định trong Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Điều 55. Báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên

55.1. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

55.2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

(a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

(b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;

(c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

(d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

(e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

(f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

(g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Thành viên khác của Ban Điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

56.1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản Pháp luật liên quan.

56.2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

56.3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của Pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

56.4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

56.5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

56.6. Giao dịch với Bên có liên quan chỉ có hiệu lực nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

(a) phụ thuộc vào Điều 23.220.3, cần được sự phê chuẩn của Đại Hội đồng Cổ đông với Đại Đa số phiếu đồng ý đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc được sự phê chuẩn của Hội đồng Quản trị thông qua với tỷ lệ 100% thành viên (không bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan) đối với giao dịch có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của Công ty trong báo cáo tài chính gần nhất;

(b) tất cả Giao dịch với Bên có liên quan phải dựa trên cơ sở giao dịch khách quan cùng có lợi (arms-length basis), trừ trường hợp được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn với Đại đa số phiếu đồng ý; và

(c) Công ty thực hiện các thủ tục thông qua Giao dịch với Bên có liên quan theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

57.1. Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Điều hành phải:

(a) thực thi tất cả quyền hạn và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, với sự cẩn mẫn và cẩn trọng đúng mức và vì quyền lợi tốt nhất của Công ty;

(b) không lạm dụng cương vị và quyền hạn, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tiền bạc và tài sản của Công ty sai mục đích vì lợi ích của bản thân hoặc của người khác;

(c) thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình và/hoặc Người có liên quan của mình sở hữu hoặc có góp vốn hoặc nắm Cổ phần chi phối; thông báo này phải được niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty;

(d) nếu Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ nợ khác đến hạn phải trả, họ phải:

(i) thông báo cho tất cả chủ nợ về tình hình tài chính của Công ty trong chừng mực cần thiết theo yêu cầu của Pháp luật;

(ii) không được tăng lương hoặc trả các khoản tiền thưởng nào cho các Thành viên Ban Điều hành của Công ty;

(iii) kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty; và

(iv) thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

57.2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

57.3. Bất kỳ Người nào không tuân thủ các quy định của Điều 56 sẽ phải bồi thường cho Công ty về những tổn thất, trách nhiệm, nghĩa vụ, phí tổn và chi phí gây ra cho Công ty, và trong mức độ tối đa được Pháp luật cho phép, Công ty sẽ có quyền lợi đối với bất kỳ lợi ích nào mà Người đó nhận được từ Giao dịch với Bên có liên quan tương ứng.

57.4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Thành viên Ban điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

57.5. Miễn Trách nhiệm Cá nhân

Không một Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Thành viên Ban Điều hành nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào được thực hiện một cách có thiện chí nhân danh Công ty, phù hợp với phạm vi quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với phạm vi quyền hạn được ủy nhiệm cho

họ theo Điều lệ này hoặc phù hợp với các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị.

57.6. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Thành viên Ban điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 58. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

58.1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

(a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông và nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông;

(b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

58.2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

58.3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

58.4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

58.5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG

Điều 59. Nhân viên và công đoàn

59.1. Tất cả vấn đề liên quan đến nhân viên của Công ty, kể cả các hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời gian làm việc và ngày nghỉ, lương, bảo hiểm xã hội, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động và những vấn đề có liên quan khác sẽ do Tổng Giám đốc quyết định theo quy định của Pháp luật.

59.2. Nhân viên của Công ty có quyền thành lập công đoàn và tham gia vào các tổ chức chính trị-xã hội khác theo quy định của Pháp luật. Công đoàn và các tổ chức chính trị-xã hội được thành lập trong Công ty phải hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 60. Ký Hợp đồng lao động

Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, và từng nhân viên của Công ty phải ký các hợp đồng lao động riêng biệt với Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ ký hợp đồng lao động với Hội đồng Quản trị, được đại diện bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc một thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị uỷ quyền.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 61. Phân phối lợi nhuận

61.1. Công bố và Chi trả Cổ tức

(a) Theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty có thể công bố chi trả cổ tức với điều kiện (i) mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức Hội đồng Quản trị đề nghị, (ii) mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức lợi nhuận của Công ty được ghi rõ trong Báo cáo Tài chính Thường niên đã được kiểm toán của năm tài chính trước đó, (iii) Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các năm trước đó, và (iv) Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ sau khi đã công bố và chi trả cổ tức.

(b) Căn cứ theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về công bố mức cổ tức, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức thanh toán cổ tức.

(c) Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt tại trụ sở Công ty, hoặc bằng séc, hoặc bằng chuyển khoản đến các tài khoản trong phạm vi Việt Nam theo sự chỉ định của Cổ đông, hoặc bằng Cổ phần nếu được sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc theo quy định của Pháp luật. Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc gửi séc hoặc chuyển tiền sẽ do Cổ đông chịu và sẽ được Công ty trừ lại từ cổ tức của Cổ đông. Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm trả thuế đánh trên cổ tức.

(d) Đối với từng Cổ đông riêng lẻ, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả:

(i) biên nhận có chữ ký của Cổ đông đó, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc

(ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của Cổ đông đó, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc

(iii) những bằng chứng khác cho thấy việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của Cổ đông đó ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của Cổ đông đó, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc, hoặc

(iv) các tài liệu hoặc chứng từ khác của Công ty chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng Cổ phần.

(e) Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả:

(i) biên nhận có chữ ký của bất kỳ một trong số các Cổ đông đó, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc

(ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của một trong các Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc

(iii) những bằng chứng khác như việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của bất kỳ một người nào trong số đồng Cổ đông này ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của một trong số họ, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc.

(f) Cổ tức sẽ được thanh toán cho các Cổ đông bằng Đồng Việt Nam. Khi được yêu cầu và trong phạm vi được Pháp luật cho phép cũng như nếu khả thi, Công ty có thể chuyển đổi cổ tức này sang tiền đôla Mỹ hoặc các loại ngoại tệ khác trước khi thanh toán cho Cổ đông.

61.2. Công ty không phải trả tiền lãi đối với các cổ tức chưa thanh toán.

61.3. Tất cả cổ tức đã được chia nhưng Cổ đông chưa nhận có thể được đầu tư hoặc sử dụng vào mục đích khác vì lợi ích của Công ty cho đến khi được Cổ đông nhận. Ngoại trừ trường hợp có quyết định khác từ Hội đồng Quản trị, Cổ đông sẽ bị tước quyền yêu cầu thanh toán đối với cổ tức đã được chia nhưng Cổ đông không nhận trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày chia cổ tức và cổ tức đó sẽ trở thành tài sản của Công ty.

Điều 62. Quỹ dự trữ

Hội đồng Quản trị có thể quyết định trích từ nguồn lợi nhuận của Công ty hoặc từ các nguồn khác được Pháp luật cho phép để lập các quỹ dự trữ như: Khen thưởng, Phúc lợi, Phát triển Sản xuất, hoặc cho những mục đích khác mà Hội đồng Quản trị xét thấy phù hợp.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 63. Tài khoản ngân hàng

Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền đồng Việt Nam hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vãng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc tài khoản khác, tại chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng liên doanh giữa một ngân hàng nước ngoài và ngân hàng Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng Việt Nam theo sự lựa chọn của Hội đồng Quản trị, và (với sự cho phép của Ngân hàng Nhà Nước, nếu Pháp luật yêu cầu) tại một ngân hàng nước ngoài ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Điều 64. Năm tài chính

Năm tài chính cũng như niên hạn thuế của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 65. Chế độ kế toán

65.1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

65.2. Sổ sách kế toán sẽ được Công ty lập theo đúng quy định của Pháp luật và sẽ được lập một cách trung thực và chính xác. Công ty sẽ áp dụng Chuẩn mực Kế Toán Việt Nam ("**VAS**"). Tuy nhiên, đối với các báo tài chính đệ trình cho Cổ đông và Hội đồng Quản trị, dù VAS có thể không yêu cầu, Công ty sẽ phải công bố các thông tin sau:

(a) Báo cáo Tài chính tổng hợp;

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

(c) Các khoản công nợ ngoài bảng tổng kết tài sản và các khoản công nợ tiềm tàng; và

(d) Chi tiết các Giao dịch với Bên có liên quan.

65.3. Tất cả chứng từ kế toán, hóa đơn, sổ sách và báo cáo của Công ty sẽ được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả chứng từ và báo cáo kế toán và tài chính quan trọng phải được Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng phê chuẩn và ký tên.

65.4. Công ty lập các sổ sách và tài khoản bằng tiền Đồng Việt Nam. Các sổ sách và tài khoản có thể được chuyển đổi sang Đôla Mỹ nếu Hội đồng Quản trị yêu cầu.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 66. Báo cáo quản trị hàng tháng

Sớm nhất có thể nhưng, trong mọi trường hợp, trong vòng mười lăm (15) ngày ngay sau khi kết thúc mỗi tháng dương lịch, Công ty phải gửi cho mỗi Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số Cổ phần đã phát hành một báo cáo quản trị hàng tháng trình bày tình hình tài chính và hoạt động thực tế của Công ty so với chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính

trên cơ sở mục tiêu hàng tháng, tính đến một ngày cụ thể trong năm hoặc năm hiện tại. Dữ liệu phải được trình bày trên cơ sở hợp nhất ngoại trừ các biện pháp cụ thể cho một đơn vị kinh doanh cụ thể.

Điều 67. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

67.1. Vào cuối mỗi quý tài chính, Công ty phải soạn thảo báo cáo tài chính, chưa hợp nhất và hợp nhất cho quý đó bao gồm bản cân đối kế toán, bản báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, có các chú giải, tất cả bản này đều được soạn thảo theo VAS hoặc trong trường hợp VAS không rõ hoặc không hoàn chỉnh, thì được soạn thảo theo IFRS miễn là không mâu thuẫn với VAS ("Các Báo cáo Tài chính Hàng quý"). Ngay khi có báo cáo nhưng trong mọi trường hợp chỉ trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi kết thúc mỗi quý tài chính, Công ty phải gửi cho Hội đồng Quản trị và mỗi Cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số Cổ phần đã phát hành (i) một bản sao Báo cáo Tài chính Hàng quý; và (ii) một bản phân tích những phát triển đáng kể và các xu hướng giải thích những thay đổi lớn trong tình hình tài chính của Công ty trong quý gần nhất.

67.2. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

67.3. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định Pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

67.4. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

67.5. Các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền gặp Kiểm toán viên để thảo luận về các báo cáo tài chính của Công ty và các vấn đề có liên quan.

Điều 68. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 69. Kiểm toán

69.1. Công ty sẽ chỉ định một Công ty Kiểm toán để tiến hành kiểm toán các Báo cáo Tài chính năm và các báo cáo tài chính hợp nhất năm, và sau đó đệ trình báo cáo kiểm toán lên Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ đệ trình lên Đại Hội đồng Cổ đông và từng Thành viên Hội đồng Quản trị các Báo Cáo Tài chính Thường niên đã được kiểm toán trong vòng ba tháng sau khi kết thúc năm tài chính cùng với báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán. Hội đồng Quản trị sẽ lập một báo cáo trong đó nêu rõ ý kiến của các Thành viên Hội đồng Quản trị về mức độ phản

ánh trung thực và hợp lý của các Báo cáo Tài chính Thường niên và báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và về kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó, đồng thời nêu nhận xét về tình hình và hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm đó. Chi phí thanh toán cho Công ty Kiểm toán được chỉ định và duy trì phù hợp theo quy định của Điều khoản này sẽ do Công ty chi trả.

69.2. Trong trường hợp các Công ty Kiểm toán từ chối trở thành công ty kiểm toán cho Công ty do các báo cáo tài chính này trình bày kém, hoặc có khả năng bị đưa ra ý kiến loại trừ, Công ty sẽ phải ngay lập tức thực hiện các biện pháp cần thiết để cải thiện chất lượng của các báo cáo tài chính để Công ty Kiểm toán có thể thực hiện kiểm toán cho Công ty.

69.3. Các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền gặp Kiểm toán viên để thảo luận về các báo cáo tài chính của Công ty và các vấn đề có liên quan.

69.4. Mỗi Cổ đông hoặc một nhóm các Cổ đông được đề cập đến tại Điều 19.2 có quyền chọn thuê công ty kiểm toán để kiểm toán các báo cáo tài chính chưa hợp nhất và/hoặc hợp nhất của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào và với chi phí do Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông đó tự chi trả.

69.5. Các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền xem xét các tài khoản kế toán của công ty vào bất kỳ lúc nào khi có nhu cầu, và Công ty phải hợp tác toàn diện trong quá trình xem xét này.

69.6. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 70. Dấu của doanh nghiệp

70.1. Con dấu sẽ được làm và bảo quản theo Pháp luật. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

70.2. Tổng Giám đốc hay người được Tổng Giám đốc ủy quyền có trách nhiệm giữ con dấu và đảm bảo sử dụng con dấu một cách phù hợp theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

XVIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 71. Tổ chức lại, Giải thể và Phá sản Công ty

71.1. Quyết định việc Tổ chức lại hoặc Giải thể

Đại Hội đồng Cổ đông có quyền quyết định việc tổ chức lại (bao gồm hợp nhất, sáp nhập, phân tách, chia doanh nghiệp hoặc các hình thức tái cấu trúc khác theo quy định của Pháp luật) hoặc giải thể Công ty. Bất kỳ hoạt động tái cấu trúc hoặc giải thể nào sẽ phải được tiến hành theo cách thức do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

71.2. Quy trình Giải thể

(a) Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

(i) Theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;

(ii) Công ty không còn đủ số lượng Cổ đông tối thiểu theo quy định của Pháp luật trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục;

(iii) Bị thu hồi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; hoặc

(iv) Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

2. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại Hội đồng Cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

3. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

4. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

(a) Các chi phí thanh lý;

(b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

(c) Nợ thuế;

(d) Các khoản nợ khác của Công ty;

(e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (i) đến (iv) trên đây được chia cho các cổ đông. Các Cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Việc gửi hồ sơ về phòng Đăng ký Kinh doanh để thực hiện thủ tục giải thể sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

71.3. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 72. Giải quyết tranh chấp nội bộ

72.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

(a) Cổ đông với Công ty; hoặc

(b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại Hội đồng Cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài.

72.2. Các Tranh chấp Chưa được Giải quyết

Trừ khi Tranh chấp được giải quyết thành công theo Điều 72.1, bất kỳ Tranh chấp nào cũng sẽ được giải quyết chung thẩm bởi Trung Tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam ("**VIAC**") bên cạnh phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng của VIAC có hiệu lực tại thời điểm đó. Địa điểm giải quyết tranh chấp là tại Hà Nội.

72.3. Duy trì Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này tiếp tục có hiệu lực trong quá trình giải quyết tranh chấp nhưng không được ảnh hưởng đến quá trình giải quyết tranh chấp.

XX. THÔNG BÁO

Điều 73. Thông báo

73.1. Bất kỳ thông báo nào theo quy định của Điều lệ này phải được lập thành văn bản gửi bằng thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh, hoặc bằng điện tín, hoặc bằng fax hoặc bằng thư điện tử (với bản gốc gửi bằng thư bảo đảm) đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông.

73.2. Bất kỳ thông báo nào sau khi chuyển đi đều được coi như có hiệu lực sau tám ngày từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư máy bay và hai ngày làm việc trong trường hợp gửi bằng điện tín, fax hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh.

73.3. Trong trường hợp Cổ đông đồng sở hữu, thông báo sẽ được gửi đến Cổ đông có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký và thông báo cho Cổ đông này được xem như là đã thông báo đầy đủ đến tất cả đồng Cổ đông khác.

73.4. Công ty sẽ thực thi những cố gắng hợp lý để đảm bảo tính chính xác của các địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông, và sẽ điều chỉnh địa chỉ của Cổ đông khi có thông báo bằng văn bản của Cổ đông đó.

73.5. Công ty sẽ không cố tình sử dụng bất kỳ phương tiện giao thông báo nào mà thường được xem là không đáng tin cậy hoặc có thể gây ra sự chậm trễ đáng kể.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 74. Điều lệ Công ty

74.1. Điều khoản Không Hợp pháp, Không Hiệu lực hoặc Không có Khả năng Thực thi

Nếu Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền tuyên bố hoặc phán quyết rằng bất kỳ một hoặc nhiều điều khoản nào của Điều lệ này là bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không có khả năng thực thi theo quy định của Pháp luật, thì một hoặc nhiều điều khoản đó sẽ được xem như bị loại bỏ khỏi Điều lệ trong mọi trường hợp, và các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên hiệu lực.

74.2. Bản chất Tích lũy của các Quyền

Trừ khi có quy định khác một cách rõ ràng, các quyền và biện pháp khắc phục trong Điều lệ này sẽ mang tính tích lũy và không loại trừ bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào do Pháp luật quy định.

74.3. Thể thức Sửa đổi, Bổ sung các Điều, Khoản của Điều lệ

(a) Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản Pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

(b) Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó sẽ không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Đại Hội đồng Cổ đông.

(c) Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Đại Hội đồng Cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Thể thức họp, thông qua nội dung sửa đổi theo quy định tại Điều lệ này.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 75. Ngày hiệu lực

75.1. Bản Điều lệ này gồm 22 Mục, 75 Điều được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư F88 nhất trí thông qua ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại tỉnh Phú Thọ, Việt Nam và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế toàn bộ nội dung của của điều lệ trước đây.

75.2. Các Cổ đông theo đây cùng đồng ý tiếp tục hoạt động Công ty với những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều lệ này. Bất kỳ Cổ đông mới nào của Công ty sau này đều chịu sự ràng buộc vô điều kiện và không hủy ngang bởi các điều khoản của Điều lệ này.

75.3. Điều lệ được lập thành 03 (ba) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

75.4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

75.5. Các bản trích hoặc bản sao của Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được đóng dấu của Công ty mới có giá trị.

ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG, Điều lệ này được ký vào ngày 22 tháng 02 năm 2022 bởi Đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Đại diện theo Pháp luật của
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F88

M.S.D.N: 2600948805 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F88
TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

Họ và tên: PHÙNG ANH TUẤN

Chức vụ: TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1
ĐỊNH NGHĨA

Trong Điều Lệ này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

(a) **Bằng văn bản** có nghĩa là hình thức viết tay, in ấn, đánh máy, hoặc một phương thức nào khác thể hiện hoặc tạo ra chữ viết, hoặc là sự kết hợp của nhiều hình thức thể hiện chữ viết;

(b) **Các Cổ phần** nghĩa là các Cổ phần do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này và **Cổ phần** có nghĩa là bất kỳ một trong số Các Cổ phần đó;

(c) **Các Công ty Kiểm toán** nghĩa là các công ty kiểm toán do Công ty thuê theo Điều 69.1 Điều lệ;

(d) **Chấp thuận của Nhà Nước** nghĩa là mọi sự chấp thuận, giấy phép, giấy đăng ký, hoặc các văn bản phê chuẩn khác trong phạm vi quyền hạn của các Cơ quan Nhà Nước mà theo Công ty là cần thiết để tiến hành các hoạt động kinh doanh và/hoặc để thực hiện các hoạt động khác được dự kiến bởi Pháp luật hoặc bởi Điều lệ này;

(e) **Chủ tịch Hội đồng Quản trị** nghĩa là chủ tịch của Hội đồng Quản trị;

(f) **Cổ đông** nghĩa là một cổ đông của Công ty có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ này;

(g) **Cổ đông Sáng lập** nghĩa là Cổ đông đã thành lập Công ty đầu tiên; tên, địa chỉ và vốn Cổ phần của Cổ đông Sáng lập trong Vốn Điều lệ vào ngày của Điều lệ này được quy định tại Phụ lục 1;

(h) **Các Cổ phiếu** có nghĩa là các chứng chỉ do Công ty phát hành theo như quy định của Điều Điều 10 của Điều lệ này để làm bằng chứng cho quyền sở hữu tương ứng số lượng Cổ phần mà một Cổ đông cụ thể đang nắm giữ và **Cổ phiếu** có nghĩa là bất kỳ một trong số các Cổ phiếu đó;

(i) **Công ty Con** có nghĩa là bất kỳ Người nào mà Công ty có sở hữu vốn góp hoặc nắm quyền kiểm soát;

(j) **Cơ quan Cấp phép** có nghĩa là Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Phú Thọ hoặc, tùy vào thời điểm thích hợp, là một Cơ quan Nhà Nước khác có thể có trách nhiệm và thẩm quyền cấp giấy phép và giám sát việc thành lập, gia hạn và/hoặc hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật;

(k) **Cơ quan Nhà Nước** nghĩa là tất cả và bất kỳ một cơ quan nào trong số những cơ quan sau: Quốc Hội nước Việt Nam, Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội của Việt Nam, Chủ Tịch Nước, Chính phủ, Thủ Tướng, Văn phòng Chính Phủ, các Bộ, các Ủy Ban Nhân Dân hoặc bất kỳ các cơ quan, các sở trực thuộc, và bất kỳ hoặc tất cả ủy ban, bộ trưởng, hội đồng, sở ban ngành, cơ quan hoặc viên chức khác, mà việc họ chấp thuận, phê chuẩn, đăng ký, cam kết, tham gia hoặc tư vấn là cần thiết cho Công ty đối với tất cả những vấn đề đề cập đến và dự kiến trong Điều lệ này;

(l) **Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn** có nghĩa là giả định rằng tất cả quyền chọn, chứng quyền hoặc các chứng khoán chuyển đổi khác hoặc các công cụ, các quyền khác để mua Cổ

phần phổ thông hoặc bất kỳ loại vốn Cổ phần nào ở hiện tại hoặc trong tương lai đã được thực hiện hoặc chuyển đổi (bao gồm các ESOP) hoàn toàn và đầy đủ, nếu được áp dụng, bất kể là các quyền chọn, chứng quyền, chứng khoán chuyển đổi, công cụ hoặc các quyền khác đó có thể được trao, thực hiện hoặc chuyển đổi theo các điều khoản liên quan hay không;

(m) **Công ty** nghĩa là Công ty Cổ phần Đầu tư F88;

(n) **Công ty Kiểm toán** nghĩa là một trong các công ty sau đây PWC, Ernst & Young, KPMG, và Deloite hoặc bất cứ công ty kiểm toán nào được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

(o) **Công ty Liên kết** nghĩa là, liên quan đến bất kỳ Người nào, bất kỳ Người nào khác Kiểm soát, Bị Kiểm soát bởi, hoặc chịu sự Kiểm soát chung với Người đó;

(p) **Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường** nghĩa là cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông khác ngoài Cuộc họp Thường niên, được triệu tập theo quy định của Điều 22.4 Điều lệ;

(q) **Cuộc họp Hội đồng Quản trị** nghĩa là các cuộc họp của Hội đồng Quản trị;

(r) **Cuộc họp Thường niên** nghĩa là các cuộc họp hàng năm của Đại Hội đồng Cổ đông theo Điều 22.1 Điều lệ;

(s) **Đa số phiếu** nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện cho ít nhất 51% trong (i) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp hoặc người đại diện được ủy quyền của Cổ đông hiện diện tại phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông trong trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết tại phiên họp; hoặc (ii) tổng số phiếu biểu quyết trong trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng văn bản;

(t) **Đại Đa số phiếu** có nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện cho ít nhất 65% (i) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp trực tiếp hoặc thông qua đại diện trong trường hợp một Đại Hội Đồng thông qua một nghị quyết trong một cuộc họp; hoặc (ii) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong trường hợp một Đại Hội Đồng thông qua một nghị quyết bằng văn bản;

(u) **Đại diện theo Pháp luật** nghĩa là đại diện theo Pháp luật của Công ty như được quy định tại Điều 3 Điều lệ.

(v) **Đại Hội đồng Cổ đông** hoặc **Đại Hội đồng** nghĩa là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền hạn quy định tại Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật;

(w) **Điều lệ** nghĩa là Điều lệ này của Công ty, có thể được sửa đổi và bổ sung vào từng thời điểm;

(x) **ESOP** nghĩa là chương trình lựa chọn Cổ phần dành cho người lao động của Công ty dành riêng cho lợi ích của thành viên quản lý và những người lao động có nhiều đóng góp cho Công ty;

(y) **Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp** nghĩa là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Cơ quan Nhà Nước ban hành để thành lập Công ty, và có thể được sửa đổi hoặc bổ sung vào từng thời điểm;

(z) **Giao dịch với Bên có liên quan** nghĩa là giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn việc vay nợ, thỏa thuận bán hoặc mua tài sản, thỏa thuận bán hoặc mua Cổ phần trong Công ty, bảo lãnh hoặc các nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh khác, được thỏa thuận giữa Công ty (bao gồm các Công ty Con của Công ty) với một trong những Người sau đây:

(i) Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty hoặc các Công ty Con;

(ii) Thành viên Ban Điều hành của Công ty hoặc các Công ty Con;

(iii) Thành viên Ban Kiểm soát của các Công ty Con;

(iv) một Cổ đông hoặc một nhóm các Cổ đông nắm giữ hơn 10% số Cổ phần của Công ty hoặc các Công ty Con; hoặc

(v) bất kỳ một Người có liên quan nào với những Người nêu tại mục (i) đến (iv) trên đây;

và các điều khoản của giao dịch được xem là bao gồm bất kỳ khoản tiền hoa hồng hoặc các khoản thanh toán tương tự hoặc các lợi ích mà bất kỳ Người nào được liệt kê tại mục (i) đến (v) trên đây nhận được, bất kể từ Công ty hoặc từ bên thứ ba, và các khoản tiền này phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoặc có liên quan đến bất kỳ các giao dịch nào mà Công ty hoặc các Công ty Con tham gia. Thuật ngữ này sẽ không bao gồm việc hoàn trả các khoản chi trả hộ chính đáng mà bất kỳ Người nào được liệt kê từ mục (i) đến (v) trên đây đã chi trả thay cho Công ty hoặc các Công ty Con có giá trị dưới 200.000.000 VND cho một giao dịch;

(aa) **Hội đồng Quản trị** nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty được bổ nhiệm và có các quyền hạn và nhiệm vụ như được nêu tại Điều lệ này;

(bb) **Kiểm soát** nghĩa là việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, hoặc nắm giữ, trực tiếp hoặc gián tiếp quyền chỉ đạo hoạt động quản lý hoặc chính sách của một Người, dù thông qua quyền sở hữu chứng khoán có quyền biểu quyết, thông qua thỏa thuận hợp đồng hoặc theo cách khác, và "Bị Kiểm soát" và "Đang Kiểm soát" có nghĩa tương tự;

(cc) **Luật Chứng khoán** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

(dd) **Luật Doanh nghiệp** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

(ee) **Năm** có nghĩa là năm dương lịch.

(ff) **Người** có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, liên doanh, hiệp hội, tập đoàn, tổ chức, ngân hàng, tổ chức tài chính hoặc Cơ quan Nhà Nước hoặc pháp nhân khác có năng lực pháp lý theo như quy định của Pháp luật, bao gồm bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào, Thành viên Ban Điều hành, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Cổ đông, hoặc bất kỳ các nhân viên nào của Công ty;

(gg) **Người có liên quan** nghĩa là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể làcá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

i. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

ii. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

iii. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

iv. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

v. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

vi. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

vii. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

(hh) **Pháp luật** hoặc **Luật** nghĩa là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và tất cả luật, nghị định, quyết định, thông tư, quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một Cơ quan Nhà Nước nào ban hành (các văn bản pháp lý này có thể sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty;

(ii) **Sổ Biên bản** có nghĩa là sổ lưu trữ tất cả biên bản của các Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và Cuộc họp Hội đồng Quản trị;

(jj) **Sổ Đăng ký Cổ đông** nghĩa là sổ do Công ty lập và lưu giữ theo quy định của Điều 34 Điều lệ;

(kk) **Tháng** nghĩa là tháng theo dương lịch;

(ll) **Thành viên Ban Điều hành** có nghĩa là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng, các Trưởng bộ phận và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng Quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty;

(mm) **Thành viên Hội đồng Quản trị Độc lập** nghĩa là một Người thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

(nn) **Thành viên Hội đồng Quản trị** nghĩa là một thành viên của Hội đồng Quản trị;

(oo) **Thông báo Tranh chấp** có nghĩa như được quy định tại Điều 72.1(b);

(pp) **Tổng số Cổ phần Đã Phát hành** nghĩa là tổng số Cổ phần đã phát hành và chưa thanh toán của Công ty trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn;

(qq) **Tranh chấp** nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, khác biệt hoặc yêu cầu phát sinh từ, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này;

(rr) **Trụ sở Chính** nghĩa là địa chỉ văn phòng đăng ký của Công ty, có thể được thay đổi vào từng thời điểm theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;

(ss) **Việt Nam** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

(tt) **VND** hoặc **Đồng** có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam; và

(uu) **Vốn Điều lệ** nghĩa là vốn điều lệ của Công ty như được đề cập đến tại các Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Điều lệ này.

PHỤ LỤC 2

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Tên Cổ đông Sáng lập	Quốc tịch	Số, ngày, nơi cấp Giấy CN ĐKKD/ Giấy CN Thành lập hoặc CMND	Địa chỉ đăng ký	Phần Góp vốn							Hình thức Góp vốn	Thời gian Góp vốn
					Tổng số Cổ phần thuộc sở hữu của các Cổ đông			Loại Cổ phần					
					Số lượng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Cổ phần Phổ thông		Cổ phần Ưu đãi			
								Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)		
1.	Phùng Anh Tuấn	Việt Nam	Số CCCD: 025084000640, cấp ngày 05/02/2018 tại Cục Cảnh Sát Đăng Ký, Quản Lý Cư Trú và Dữ Liệu Quốc Gia về Dân Cư	26, BT2 Khu Đô Thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	1.238.463	12.384.630.000	18,699 %	1.238.463	12.384.630.000	Không	Không	Bằng tiền	

2.	Ngô Quang Hưng	Việt Nam	Số hộ chiếu: B6706008, cấp ngày 17/5/2012 tại Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh	Số 28, Tổ 8, Đường Phùng Khoang, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam	1.148.717	11.487.170.000	17,344 %	1.148.717	11.487.170.000	Không	Không	Bằng tiền	
3.	Trần Mạnh Công	Việt Nam	Số CMND: 017533606, ngày cấp 3/4/2014 tại CA Hà Nội	Căn hộ 2210, Khu B, Chung Cư Sông Nhuệ, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	198.586	1.985.860.000	2,998%	198.586	1.985.860.000	Không	Không	Bằng tiền	
4.	Nguyễn Văn Tuyên	Việt Nam	Chứng minh nhân dân số: 013044581, cấp ngày 04/03/2008 tại Công an thành phố Hà Nội	Phòng B0807, tòa nhà Sky City, số 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	152.828	1.528.280.000	2,307%	152.828	1.528.280.000	Không	Không	Bằng tiền	
	Tổng số				**2.738.594**	**7.385.940.000**		**2.738.594**	**27.385.940.000**				